

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BC KT	Bảng cân đối kế toán
CSKD	Cơ sở kinh doanh
CTCP	Công ty Cổ phần
DN	Doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
H QT	Hội đồng quản trị
HHDV	Hàng hóa dịch vụ
HTK	Hàng tồn kho
KHCN	Khoa học công nghệ
NCC	Nhà cung cấp
NK	Nhập khẩu
SPHT	Sản phẩm hoàn thành
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TSC	Tài sản cố định
XK	Xuất khẩu

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1: Tình lao động của công ty cổ phần Liên Minh giai đoạn 2013-2015.....35

Bảng 2.2: Tình hình tài sản, nguồn vốn của CTCP Liên Minh giai đoạn 2013-2015.....36

Bảng 2.3: Tình hình SXKD của CTCP Liên Minh giai đoạn 2013-2015.....39

Trang

Thị trường Kinh tế

DANH MỤC S

S	1.1: Quy trình thực hiện phân tích chuyển đổi tiếp sau.....	10
S	1.2: Quy trình thực hiện phân tích chuyển đổi tiếp trước.....	10
S	1.3: Quy trình thực hiện phân tích nhận thu trực tiếp.....	11
S	1.4: Quy trình thực hiện phân tích nhận thu kèm chứng từ.....	12
S	1.5: Quy trình thực hiện phân tích tín dụng chứng từ.....	13
S	1.7: Quy trình hạch toán tổng hợp hàng theo phương pháp KK K.....	22
S	1.8: Sơ đồ hạch toán nghiệp vụ xuất kho trực tiếp.....	25
S	1.9: Sơ đồ hạch toán nghiệp vụ xuất kho y tế thác tài sản giao y tế.....	26
S	2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Liên Minh.....	29
S	2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Liên Minh.....	31
S	2.3: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Kế toán Việt Nam.....	33

MỤC LỤC

PHẦN I: TỔNG QUAN	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Nội dung nghiên cứu	2
4. Phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp nghiên cứu	2
6. Kết cấu của khóa luận	3
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TRONG DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU	4
1.1. Khái quát chung về hoạt động xuất khẩu hàng hóa	4
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hoạt động xuất khẩu	4
1.1.1.1. Khái niệm	4
1.1.1.2. Đặc điểm	4
1.1.1.3. Vai trò của hoạt động xuất khẩu hàng hóa	5
1.1.2. Các hình thức xuất khẩu hàng hóa	6
1.1.3. Các phương thức thanh toán	9
1.1.4. Giá cả và tỉ lệ chiết khấu trong hoạt động xuất khẩu	14
1.2. Khái quát về hoạt động lưu chuyển hàng hóa xuất khẩu trong các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu	16

1.2.1. Khái niệm và lưu chuyển hàng hóa xuất khẩu.....	16
1.2.2. Yêu cầu quản lý hoạt động lưu chuyển hàng hóa xuất khẩu.....	17
1.2.3. Nhiệm vụ kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất khẩu.....	17
1.3. Kế toán tài sản hàng xuất khẩu.....	18
1.3.1. Các phương thức tài sản hàng.....	18
1.3.2. Tính giá hàng nhập khẩu.....	19
1.3.3. Chứng từ và Tài khoản sử dụng.....	20
1.3.3. Hệ thống nghiệp vụ mua hàng xuất khẩu.....	21
1.4. Hệ thống quá trình xuất khẩu hàng hóa.....	23
1.4.1. Phạm vi xác nhận hàng xuất khẩu.....	23
1.4.2. Thời điểm xác nhận hàng xuất khẩu.....	23
1.4.3. Nội dung hệ thống quá trình xuất khẩu hàng hóa.....	24
1.4.3.1. Chứng từ sử dụng.....	24
1.4.3.2. Tài khoản sử dụng.....	24
1.4.3.3. Hệ thống nghiệp vụ xuất khẩu trực tiếp.....	25
1.4.3.5. Hệ thống nghiệp vụ xuất khẩu gián tiếp.....	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH.....	27
2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Liên Minh.....	27
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Liên Minh.....	27
2.1.1.1. Khái quát chung về Công ty.....	27
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	27

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Liên Minh	28
2.1.2.1. Chức năng.....	28
2.1.2.2. Nhiệm vụ	28
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Liên Minh	29
2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Liên Minh.....	29
2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ	29
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tài chính Công ty Cổ phần Liên Minh.....	31
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	31
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	32
2.1.4.3. Hình thức ghi sổ kế toán.....	33
2.1.5. Tình hình năng lực kinh doanh của công ty giai đoạn 2013-2015.....	33
2.1.5.1. Tình hình lao động của công ty giai đoạn 2013-2015.....	33
2.1.5.2. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty giai đoạn 2013-2015	36
2.1.5.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2013-2015.....	39
2.2. Tổ chức công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập của Công ty Cổ phần Liên Minh.....	41
2.2.1. Các tài khoản sử dụng.....	41
2.2.2. Các nội dung quy trình công nghệ	41
2.2.3. Tổ chức kế toán tồn kho hàng xuất nhập.....	41
2.2.3.1. Phương thức tồn kho hàng xuất nhập của Công ty Cổ phần Liên Minh.....	41

2.2.3.2. Hệ thống toán quá trình tổ chức ngân hàng xuất nhập khẩu tại công ty Cổ phần Liên Minh.....	42
2.2.4. <i>Thức trình hệ thống toán quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa tại Công ty cổ phần Liên Minh.....</i>	49
2.2.4.1. Nhiệm vụ chung và công tác quản lý và kế toán hàng xuất nhập khẩu tại công ty cổ phần Liên Minh.....	49
2.2.4.2. Chức năng.....	51
2.2.4.3. Tài khoản.....	51
2.2.4.4. Quy trình, thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa tại Công ty Cổ phần Liên Minh.....	52
2.2.4.5. Thức trình hệ thống toán quá trình xuất nhập khẩu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Liên Minh.....	54
2.2.4.6. Kế toán các nghiệp vụ khác liên quan đến quá trình xuất nhập khẩu.....	60
CHƯƠNG 3: MÔ TẢ BIỆN PHÁP XUẤT NHẬP KHẨU THỰC TẾ KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH.....	63
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Liên Minh.....	63
3.1.1. <i>Ưu điểm.....</i>	63
3.1.1.1. Về công tác quản lý.....	63
3.1.1.2. Về công tác kế toán.....	63
3.1.2. <i>Hạn chế.....</i>	65
3.2. Mô tả biện pháp nhằm cải thiện công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu tại Công ty Cổ phần Liên Minh.	66
PHẦN III: KẾT LUẬN.....	68
1. Kết luận.....	68

2. Kinh nghiệm và hướng phát triển tài.....69

 2.1. Kinh nghiệm69

 2.2. Hướng phát triển tài70

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....71

PHỤ LỤC.....72

Tr
ng
i h
C Kinh t
Huy

PHẦN I: TỔNG QUAN**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Ngày nay, với xu thế hình nền kinh tế Thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã và đang dần dần từng bước hình thành. Trong giai đoạn nền kinh tế với các chính sách ưu ái của Nhà nước ngành kinh doanh thương mại đã đóng vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là ngành kinh doanh xuất nhập khẩu. Cùng với sự hình nền kinh tế toàn cầu các nhà sản xuất và các doanh nghiệp trong khu vực và trên thế giới kinh doanh xuất nhập khẩu không ngừng đóng vai trò là nền thu hút ngoại tệ từ nước ngoài vào trong nước mà nó còn đóng vai trò là cầu nối thúc đẩy mối quan hệ giao lưu kinh tế, giao lưu buôn bán giữa các nhà sản xuất và các doanh nghiệp trên thế giới.

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu bán hàng hóa trong nước và tiêu thụ sang nước ngoài các doanh nghiệp này thực sự đã trở thành cầu nối quan trọng trong giao lưu hàng hóa trong nước và nước ngoài, thực hiện tốt chức năng lưu chuyển hàng hóa của mình.

Một tiêu chuẩn các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nói chung và doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng là nâng cao hiệu quả kinh doanh, làm chủ các giá trị và thương hiệu văn hóa, tạo uy tín làm nền lâu dài với khách hàng nước ngoài. Thực hiện

các mục tiêu của các công ty bên cạnh hoàn thiện các thủ tục hành chính máy móc của mình sao cho phù hợp với hoạt động kinh doanh thì còn cần phải thực hiện công tác hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hóa. Công tác này có ý nghĩa quan trọng với việc chi tiết công tác kế toán, giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm bắt và xử lý kịp thời và thông minh các quy trình xử lý ứng dụng.

Như vậy thực sự vai trò của công tác hạch toán lưu chuyển hàng hóa của doanh nghiệp kinh doanh Xuất nhập khẩu nói chung và tại Công ty Cổ phần Liên Minh nói riêng, đặc biệt trang bị kiến thức lý luận thực tiễn cùng với sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Quang Huy, các cán bộ phòng kế toán công ty tôi đã hoàn thành luận

vấn đề nghiên cứu là: “Công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập tại Công ty Cổ phần Liên Minh”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Một là, hệ thống hóa các lý luận và kỹ thuật kế toán lưu chuyển hàng hóa trong các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Hai là, tìm hiểu về thực trạng công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập tại Công ty Cổ phần Liên Minh.

Ba là, nhận xét, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập tại Công ty Cổ phần Liên Minh.

3. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu chuyên sâu về lý luận và thực tiễn công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập tại Công ty Cổ phần Liên Minh.

4. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Bài nghiên cứu thực tế và thực tiễn tài liệu này tại Công ty Cổ phần Liên Minh.

Phạm vi thời gian: Bài thực hiện từ ngày 20/02/2016 đến ngày 10/5/2016.

Nội dung nghiên cứu phân tích thực trạng công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập của công ty dựa trên số liệu và các tài liệu khác liên quan trong năm 2014 và 2015 là chủ yếu.

Phạm vi nội dung: Bài nghiên cứu công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập tại Công ty Cổ phần Liên Minh.

5. Phương pháp nghiên cứu

- ❖ Phương pháp thu thập thông tin

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tham khảo các khóa luận cùng tài liệu công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập của các bài khóa trước để tích lũy kinh nghiệm. Tìm

hiểu thông qua sách báo chuyên ngành, thông tin mạng internet liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Phương pháp này thực hiện bằng cách trực tiếp hỏi nhân viên thuộc diện phân hành kế toán, tìm hiểu về quá trình luân chuyển chứng từ và kế toán tại Công ty.

Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến công ty có biệt là các chứng từ liên quan đến quy trình xuất nhập khẩu phân kế toán của công ty.

❖ Phương pháp xử lý thông tin:

Phương pháp tổng hợp phân tích: các thông tin, số liệu sau khi thu thập sẽ được tổng hợp lại theo thời gian, loại chứng từ...sau đó tiến hành phân tích kết luận và đưa ra giải pháp phù hợp với nghiên cứu phát huy những mặt mạnh khắc phục những hạn chế.

Phương pháp so sánh tương đối: các thông tin số liệu sau khi đã thu thập sẽ tiến hành tương đối với mức tiêu, phương pháp đã đưa ra đánh giá về các chỉ số với khách có yêu cầu, hiểu quả không.

6. Kết cấu của khóa luận

Nội dung của tài liệu trình bày nghiên cứu trong 3 phần:

Phần I: Tổng quan

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Lý luận chung về kế toán luân chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu trong các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Chương 2: Thực trạng kế toán luân chuyển hàng hóa XK tại CTCP Liên Minh.

Chương 3: Một số biện pháp xuất nhập khẩu mới trong công tác kế toán luân chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu tại CTCP Liên Minh.

Phần III: Kết luận và Kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TRONG DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. Khái quát chung về hoạt động xuất khẩu hàng hóa

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hoạt động xuất khẩu

1.1.1.1. Khái niệm

Theo Luật Thương Mại 2005, xuất khẩu là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực chi quan riêng theo quy định của pháp luật.

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa là hoạt động buôn bán cho cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài nhằm mục đích lợi nhuận, có thể là người tự mình hoặc hai quốc gia, là hoạt động cần thiết để thúc đẩy nền kinh tế và ngày càng phát triển mạnh mẽ và chi trả nợ nước ngoài.

1.1.1.2. Đặc điểm

Công nghệ nhập khẩu, xuất khẩu là hoạt động kinh tế thị trường và phục vụ cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp này được Nhà nước cho phép kinh doanh mua bán hàng hóa và dịch vụ ngoài trên cơ sở hợp pháp kinh tế, các chi phí, nghĩa vụ mà Chính phủ đã ký với nước ngoài và giao cho doanh nghiệp thực hiện. Trong cơ chế thị trường các doanh nghiệp phải tự mình hạch toán kinh doanh, lý thu chi và quản lý tài chính, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao hiệu suất công nhân viên.

Đặc điểm chủ yếu của kinh doanh xuất khẩu bao gồm:

- Thứ tự mua và bán trong và ngoài nước nên khó kiểm soát, mua bán trung gian chi phí cao, thanh toán diễn ra nhiều hình thức phức tạp, ngân hàng thanh toán thường là ngoại tệ có khả năng thanh toán trên thị trường quốc tế.

- Người mua, người bán đến từ những quốc gia khác nhau nên ngôn ngữ, phong tục tập quán, tôn giáo, chính trị, trình độ quản lý cũng khác nhau. Do vậy, ngôn ngữ trên hợp đồng cần thống nhất, dễ hiểu.

- Hàng hóa xuất khẩu đòi hỏi chất lượng cao, mức độ bảo hiểm, hợp thuế, hiểu biết tiêu dùng thị trường, thị trường quốc gia, thị trường khác.

- Hiểu biết về mặt tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, hiểu biết thanh toán làm cho thị trường giao hàng và thị trường thanh toán có khoảng cách xa.

1.1.1.3. Vai trò của hoạt động xuất khẩu hàng hóa

Là một hoạt động thương mại Quốc tế, xuất khẩu đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, là hoạt động thương mại quốc gia có thể thể hiện một cách có hiệu quả mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Như vậy, hoạt động xuất khẩu có vai trò sau:

- Xuất khẩu có vai trò tạo nguồn vốn cho nhập khẩu, phục vụ sản xuất Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước. Nhập khẩu máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ cho sản xuất Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước, đòi hỏi phải có vốn, cần biết đi vay nước ngoài. Nguồn vốn này có thể hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, song nguồn quan trọng nhất, hiệu quả nhất chính là vốn thu được từ hoạt động xuất khẩu.

- Hoạt động xuất khẩu giúp cho mặt nước có thể khai thác hiệu quả lợi thế thương mại, nâng cao hiệu quả nền kinh tế quốc dân. Nó giúp cho mặt nước gia tăng sản phẩm và tiêu dùng của mình. Ngoại tệ thu được cho phép mặt nước có thể tiêu dùng tất cả các mặt hàng vì mặt nước nhiều hơn những quốc gia khác.

- Điều tác động của xuất khẩu, các sản phẩm của các nước thay đổi, chuyển đổi các cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, tạo điều kiện phân công hoá, chuyên môn hoá trong sản xuất.

- Xu hướng tác động tích cực đến việc quy tụ vốn và cải thiện đời sống nhân dân.

- Xu hướng là cơ sở thúc đẩy và mở rộng thị trường kinh tế nội địa.

- Riêng đối với các doanh nghiệp, xu hướng đóng vai trò là động lực thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng, giảm chi phí sản xuất, nâng cao trình độ công nhân viên, tập trung nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm doanh nghiệp, tạo chuyển biến trên thị trường.

1.1.2. Các hình thức xuất khẩu hàng hóa

❖ *Xuất khẩu trực tiếp*

Hoạt động xuất khẩu trực tiếp là một hình thức xuất khẩu hàng hóa mà trong đó các doanh nghiệp nội địa trực tiếp bán ra nước ngoài các sản phẩm mà các doanh nghiệp sản xuất trong nước, sau đó bán các sản phẩm này cho các khách hàng nước ngoài (có thể qua một số công ty gia công chế biến).

Theo hình thức xuất khẩu này, các doanh nghiệp nội địa thường mua có hàng hóa xuất khẩu thì phải có vốn thu gom hàng hóa từ các nhà sản xuất, các cơ sở sản xuất trong nước. Khi doanh nghiệp bán ra nước ngoài hàng thì hàng hóa thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

Xuất khẩu theo hình thức trực tiếp thông thường có hiệu quả kinh doanh cao hơn các hình thức xuất khẩu khác. Bởi vì doanh nghiệp có thể mua các hàng hóa có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu của mình cũng như của khách hàng với giá mua vào thấp hơn. Tuy nhiên, đây là hình thức xuất khẩu có rủi ro lớn, hàng hóa có thể không bán được do nhu cầu thay đổi bất ngờ của khách hàng, các thị trường diễn biến phức tạp và đôi khi bất ổn thoát hàng hóa.

❖ *Xuất khẩu ủy thác*

Hoạt động xuất khẩu trực tiếp là một hình thức dịch vụ thương mại, theo đó doanh nghiệp nội địa tự ra vai trò là trung gian thương mại vì xuất khẩu hàng hoá cho các doanh nghiệp có hàng hoá xuất khẩu. Trong hình thức này, hàng hoá trực tiếp khi kết thúc quá trình xuất khẩu vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp xuất khẩu. Doanh nghiệp nội địa chỉ có nhiệm vụ làm các thủ tục xuất khẩu hàng hoá, các dịch vụ vận chuyển hàng hoá và các hình thức kho bãi là phí xuất khẩu mà doanh nghiệp xuất khẩu trả.

Hình thức xuất khẩu này có ưu điểm là đơn giản, rõ ràng, doanh nghiệp nội địa không phải là người chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hoá và cũng không phải trả tiền mua hàng. Tuy nhiên, phí xuất khẩu mà doanh nghiệp nội địa phải thanh toán nhanh.

❖ *Hoạt động gia công xuất khẩu trực tiếp*

Gia công trực tiếp là một hoạt động mà một bên - gọi là bên đặt hàng - giao nguyên vật liệu, có khi cả máy móc, thiết bị và chuyên gia cho bên kia gọi là bên nhận gia công. Bên đặt hàng mua nguyên vật liệu theo yêu cầu của bên đặt hàng. Hàng hoá sau khi sản xuất xong sẽ giao cho bên nhận gia công. Bên nhận gia công có trách nhiệm công. Khi hoạt động gia công kết thúc thì bên đặt hàng sẽ thanh toán cho bên nhận gia công.

Theo hình thức xuất khẩu này, doanh nghiệp nội địa tự nguyện vận chuyển, bán thành phẩm cho các doanh nghiệp nhận gia công tại các khách hàng nước ngoài đặt gia công. Sau đó, doanh nghiệp nội địa sẽ nhận thành phẩm các doanh nghiệp nhận gia công và xuất sản phẩm này sang cho khách hàng nước ngoài đặt gia công. Doanh nghiệp nội địa sẽ nhận khoản tiền thù lao gia công.

Hoạt động gia công xuất khẩu có ưu điểm là doanh nghiệp nội địa không phải bỏ vốn vào kinh doanh mà thu được lợi nhuận khá cao, ít rủi ro và không cần thanh toán trước vì dựa trên hợp đồng. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp nội địa chỉ dựa vào hình thức này, doanh nghiệp phải quan hệ với các khách hàng đặt gia công có uy tín. Đây là một hình thức phức tạp, nhất là trong quá trình thanh toán với bên khách

hàng gia công và sản xuất, chế tạo, nguyên vật liệu và thiết bị thành phẩm, giám sát quá trình gia công. Do đó, các cán bộ kinh doanh của doanh nghiệp phải am hiểu tốt về các nghiệp vụ và quá trình gia công sản phẩm.

❖ *Hoạt động xuất khẩu theo hình thức buôn bán sỉ lẻ*

Theo hình thức này, mục đích của hoạt động xuất khẩu không phải nhằm thu về lợi nhuận ngoại tệ mà là thu về lợi nhuận hàng hoá khác thông qua việc gia công lô hàng xuất khẩu. Doanh nghiệp ngoại tệ có thể sử dụng hình thức xuất khẩu này như một loại hàng hoá mà thị trường trong nước đang rất cần hoặc có thể xuất khẩu sang một nước khác.

❖ *Hoạt động xuất khẩu theo Nghị định*

Đây là hình thức xuất khẩu hàng hoá thông qua hàng trình thực hiện theo Nghị định giữa hai Chính phủ của hai nước. Xuất khẩu theo hình thức này có ưu điểm như: Khẩn trương thanh toán chi phí (vì Nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp), giá cả hàng hoá dễ chấp nhận, tiết kiệm chi phí trong nghiên cứu thị trường, tìm kiếm thị trường.

❖ *Một số loại hình xuất khẩu khác*

• *Tạm nhập tái xuất*

Tạm nhập tái xuất có nghĩa là việc mua hàng hoá của một nước bán cho một nước khác (nước thứ ba) trên cơ sở hợp đồng mua bán ngoại tệ có làm các thủ tục nhập khẩu rồi lại làm các thủ tục xuất khẩu không qua gia công chế biến.

Điều kiện hàng hoá nhập khẩu như mục đích sử dụng trong nước nhập khẩu thì thời gian sau, vì một lý do nào đó nó không được sử dụng nữa mà xuất khẩu ra nước ngoài thì không được coi là hàng hoá kinh doanh theo hình thức tạm nhập tái xuất.

Thời gian hàng hoá kinh doanh theo hình thức tạm nhập tái xuất có hạn chót là 60 ngày.

- *Chuyển khẩu thành phẩm (hàng hoá)*

Chuyển khẩu hàng hoá là việc mua hàng của một nước (nước xuất khẩu) bán cho một nước khác (nước nhập khẩu) nhưng không làm thay đổi nhập khẩu vào Việt Nam cũng như thay đổi xuất khẩu từ Việt Nam.

- *Quá trình thành phẩm (hàng hoá)*

Thành phẩm (hàng hoá) của một nước công nghiệp thị trường qua lãnh thổ Việt Nam, có sự cho phép của Chính phủ Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam nếu có ưu tiên như quy định của Nhà nước Việt Nam có thể xem xét cho thực hiện dịch vụ này để tăng thêm thu nhập.

1.1.3. Các phương thức thanh toán

Có nhiều phương thức thanh toán được áp dụng trong giao dịch buôn bán và phương thức nào được áp dụng là phụ thuộc vào thông lệ quốc tế và ưu tiên trong hợp đồng. Các phương thức thanh toán quốc tế dùng trong hoạt động ngoại thương bao gồm:

- * *Phương thức chuyển tiền (Remittance).*

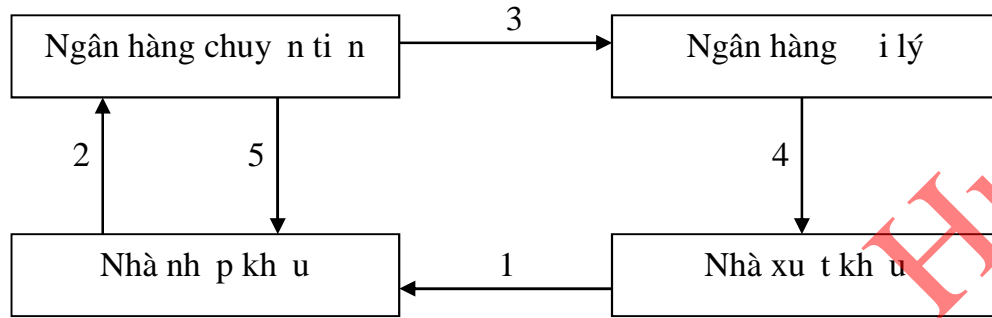
Phương thức chuyển tiền là phương thức mà trong đó, khách hàng (người nhập khẩu) yêu cầu Ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác (người xuất khẩu) một cách an toàn nhất bằng phương thức chuyển tiền do khách hàng yêu cầu.

Phương thức chuyển tiền có thể là tín báo hoặc lệnh, thông qua các Ngân hàng trung gian, do vậy phí chi trả cho Ngân hàng.

Các bên tham gia phương thức thanh toán này bao gồm: người nhập khẩu, người xuất khẩu, Ngân hàng chuyển tiền, Ngân hàng ủy lý của Ngân hàng chuyển tiền.

+ Chuyển tiền trả sau: Là hình thức chuyển tiền trả cho người xuất khẩu sau khi nhận hàng.

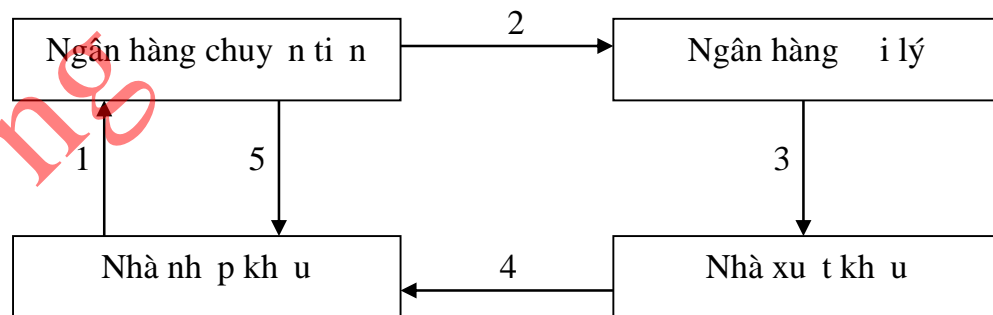
Quy trình thể hiện phôi của chuyển tín sau:



S 1.1: Quy trình thể hiện phôi của chuyển tín sau

- (1) Nhà xuất khẩu giao hàng và bán hàng hóa cho nhà nhập khẩu.
- (2) Nhà nhập khẩu lập lệnh chuyển tín cho ngân hàng thông qua ngân hàng.
- (3) Ngân hàng phục vụ nhà nhập khẩu chuyển tín cho ngân hàng lý.
- (4) Ngân hàng lý ghi Có và báo cáo cho nhà xuất khẩu.
- (5) Ngân hàng chuyển tín báo Nợ cho nhà nhập khẩu.

+ Chuyển tín trực: Là hình thức chuyển tín mà ngân hàng xuất khẩu nhận chuyển tín trực khi giao hàng.



S 1.2: Quy trình thể hiện hình thức chuyển tín trực

(1) Nhà nhập khẩu lập lệnh chuyển tín yêu cầu ngân hàng phục vụ mình chuyển tín cho ngân hàng.

(2) Ngân hàng phục vụ nhà nhập khẩu chuyển tín cho ngân hàng thông qua ngân hàng intermediary.

(3) Ngân hàng intermediary ghi Có và báo cáo cho nhà xuất khẩu

(4) Nhà xuất khẩu giao hàng và bán hàng hóa cho nhà nhập khẩu

(5) Ngân hàng chuyển tín ghi N, báo N cho nhà nhập khẩu

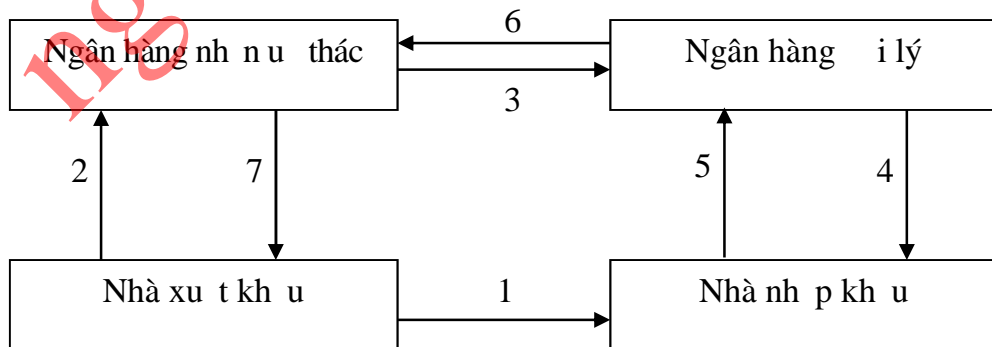
* *Phân tích chi tiết.*

Phân tích chi tiết là phân tích thanh toán mà trong đó, ngân hàng xuất khẩu sau khi đã giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho bên nhập khẩu thì sẽ ký phát hối phiếu đòi tiền bên nhập khẩu, rồi thác cho Ngân hàng của mình thu tiền từ bên nhập khẩu trên cơ sở hối phiếu trả.

Phân tích thanh toán nhập thu gồm có 2 loại:

+ Nhập hối phiếu trả: Là phân tích thanh toán mà trong đó ngân hàng xuất khẩu thác cho Ngân hàng thu tiền từ ngân hàng nhập khẩu cần vào hối phiếu do mình trả, còn bán hàng hóa gì thì ngân hàng mua không thông qua Ngân hàng.

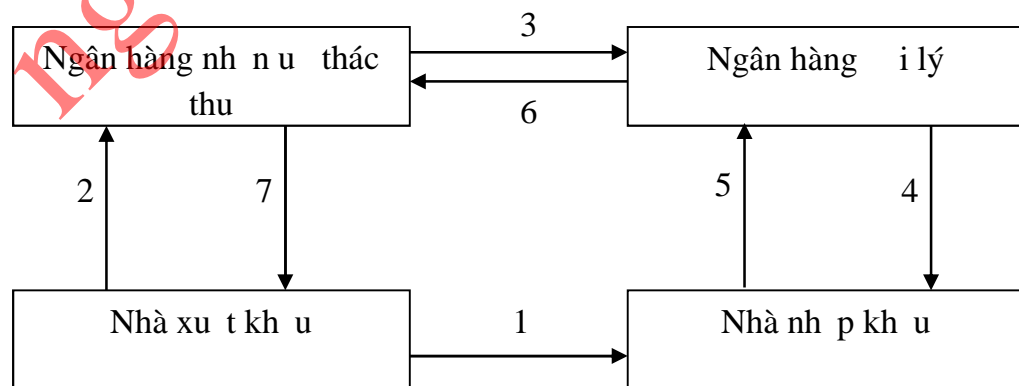
Trình tự thanh toán theo sơ đồ sau:



S 1.3: Quy trình thanh toán nhập hối phiếu trả

- (1) Nhà xuất khẩu giao hàng và bổ sung tờ cho nhà nhập khẩu
- (2) Nhà xuất khẩu lập chứng thu và ghi sổ nhập vào ngân hàng xuất thác cho ngân hàng thu tiền nhà nhập khẩu
- (3) Ngân hàng nhận xuất các chứng thu và ghi sổ cho ngân hàng lý thác thông báo cho nhà nhập khẩu biết.
- (4) Ngân hàng thông báo chứng ghi sổ cho nhà NK yêu cầu chấp nhận hay thanh toán. Nếu chấp nhận thì người ký thanh toán D/A nhà nhập khẩu chấp nhận thanh toán, nếu là D/P nhà nhập khẩu phải thanh toán ngay cho nhà xuất khẩu.
- (5) Nhà nhập khẩu thông báo nghĩa vụ trả tiền hay trả chi thanh toán.
- (6) Ngân hàng lý thác trích tiền từ TK nhà nhập khẩu chuyển sang ngân hàng xuất thác ghi Có cho nhà xuất khẩu trong trường hợp nhà nhập khẩu nghĩa vụ trả tiền, hoặc thông báo cho ngân hàng xuất thác thu biết trong trường hợp nhà NK trả chi trả tiền.
- (7) Ngân hàng nhận xuất các ghi Có và báo Có cho nhà xuất khẩu hoặc thông báo cho nhà xuất khẩu biết về nhà nhập khẩu trả chi trả tiền.

+ Phương thức thu kèm chứng từ: Là phương thức thu trong đó người xuất khẩu sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hay cung cấp dịch vụ, tiến hành xuất thác cho ngân hàng phục vụ mình thu tiền người nhập khẩu không chấp nhận vào ghi sổ nhập mà còn chấp nhận hàng hoá đi kèm.



S 1.4: Quy trình thanh toán kèm chứng từ

(1) Nhà xuất khẩu giao hàng cho nhà nhập khẩu nhưng không giao bán hàng hóa

(2) Nhà xuất khẩu gửi chứng thu hối phiếu và bán hàng hóa ngân hàng nhàn thác hối phiếu nhà nhập khẩu.

(3) Ngân hàng nhàn thác chuyển chứng thu, hối phiếu và bán hàng hóa sang ngân hàng lý thông báo cho nhà nhập khẩu.

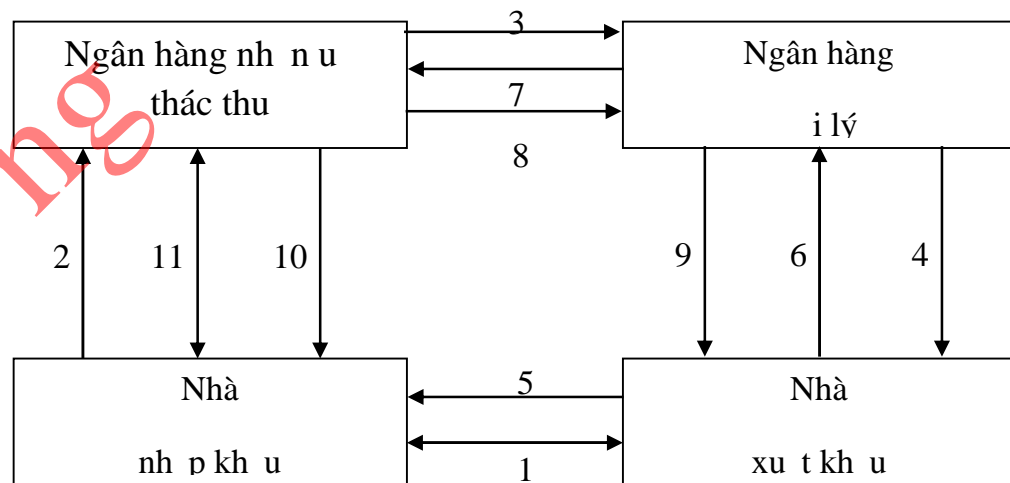
(4) Ngân hàng lý chuyển hối phiếu nhà nhập khẩu yêu cầu trả tiền hoặc chấp nhận trả.

(5) Nhà nhập khẩu thông báo ý hay trả chi trả.

(6) Ngân hàng lý trích TK ngân hàng nhập khẩu chuyển tiền sang NH nhàn thác thu ghi Có cho nhà xuất khẩu hoặc thông báo về chi trả của nhà nhập khẩu.

(7) Ngân hàng nhàn thác báo Có hoặc thông báo về chi trả cho nhà xuất khẩu.

* Phẳng thanh toán: Là phẳng thanh toán trong số tiền ngân hàng theo yêu cầu của khách hàng cam kết số tiền nhất định cho người hưởng hoặc chấp nhận hối phiếu do người này ký phát trong phạm vi số.



S 1.5: Quy trình thanh toán bằng phẳng thanh toán

- (1) Hai bên xuất khẩu và nhập khẩu ký kết hợp đồng thương mại
- (2) Nhà nhập khẩu làm thủ tục mở L/C, yêu cầu ngân hàng mở L/C cho nhà xuất khẩu thanh toán.
- (3) Ngân hàng mở L/C theo yêu cầu của nhà nhập khẩu và chuyển L/C sang cho ngân hàng thông báo cho nhà xuất khẩu biết.
- (4) Ngân hàng thông báo L/C cho nhà xuất khẩu biết trình L/C đảm bảo.
- (5) Dựa vào nội dung của L/C, nhà xuất khẩu giao hàng cho nhà nhập khẩu
- (6) Nhà xuất khẩu sau khi giao hàng lập báo thanh toán gửi vào ngân hàng thông báo để thanh toán.
- (7) Ngân hàng thông báo chuyển báo thanh toán sang ngân hàng mở L/C xem xét trình.
- (8) Ngân hàng mở L/C sau khi kiểm tra chứng từ nếu phù hợp thì trích tiền chuyển sang ngân hàng thông báo ghi có cho người thanh toán, nếu không phù hợp thì từ chối thanh toán.
- (9) Ngân hàng thông báo ghi Có và báo cáo cho nhà xuất khẩu
- (10) Ngân hàng mở L/C trích tài khoản và báo Nợ cho nhà nhập khẩu
- (11) Nhà nhập khẩu xem xét chứng từ trình và ngân hàng mở L/C trao báo thanh toán cho nhà nhập khẩu có thể nhận hàng.

1.1.4. Giá cả và tín dụng trong hoạt động xuất khẩu

Giá cả

Giá cả là yếu tố quan trọng trong hợp đồng ngoại thương, là điều kiện xác định giá trị hàng hóa trong hợp đồng. Điều kiện về giá trị hàng hóa chính là sự phân chia trách nhiệm giữa người bán và người mua về các khoản chi phí và rủi ro, được quy định trong Luật buôn bán Quốc tế (INCOTERMS 2000). Tùy theo sự thỏa thuận của hai

bên mà giá có thể bao gồm nhiều yếu tố: giá trị hàng hóa, bảo hiểm, chi phí vận chuyển, chi phí bốc dỡ và các chi phí khác...

Các điều kiện vận tải trong giao hàng, giá trong hợp đồng mua bán ngoại thương có thể có 4 nhóm: C, D, E, F.

+ Nhóm C: Người bán trả các chi phí vận chuyển quốc tế (CFR, CIF, CPT, CIP).

+ Nhóm D: Người bán chịu mọi chi phí và rủi ro cho đến khi giao hàng tại địa điểm thỏa thuận (DAF, DES, DEQ, DDU, DDP).

+ Nhóm E: Hàng hóa thu cước vận chuyển tại địa điểm của người bán (EXW).

+ Nhóm F: Người mua chịu chi phí và rủi ro vận chuyển quốc tế (FOB, FCA, FAS).

Trong buôn bán ngoại thương sử dụng phổ biến 2 loại giá: FOB, CIF.

▪ Giá FOB:

Là giá giao hàng tính đến khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận chuyển tại cảng, ga biên giới nước xuất khẩu. Nhưng giá FOB bao gồm giá thực tế của hàng hóa cộng với các khoản chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa lên tàu. Rủi ro vận hàng hóa, và mọi chi phí liên quan đến hàng hóa được chuyển sang cho người mua kể từ khi hàng hóa được đặt trên tàu và người bán hoàn thành xong nghĩa vụ của mình.

▪ Giá CIF (Cost insurance Freight):

Giá CIF bao gồm giá FOB cộng với phí bảo hiểm và cước vận tải. Theo giá CIF thì người bán sẽ giao hàng tại cảng, ga, biên giới của người mua. Người bán có nghĩa vụ thuê phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa, nghĩa vụ mua bảo hiểm cho hàng hóa, chịu mọi chi phí trong quá trình di chuyển hàng hóa tại địa điểm cùng, rủi ro sẽ được chuyển cho người mua khi hàng hóa đã qua kiểm tra và vận chuyển đến địa điểm của người bán.

Khi xuất khẩu theo giá CIF, người xuất khẩu cần thực hiện những công việc sau.

- Ký giấy phép xuất khẩu nép thuế và lệ phí xuất khẩu.
- Ký kết hợp đồng chuyên chở hàng bằng đường biển, giao hàng nhập khẩu.
- Giao hàng lên tàu và trả các phí bốc hàng.
- Mua bảo hiểm cho hàng hóa.
- Cung cấp cho người nhập khẩu hoá đơn, vận đơn hoàn hảo và giấy
- Chứng nhận bảo hiểm.
- Trả phí đại hàng.

Ti n t thanh toán

Ti n t thanh toán là ti n t c s d ng xác nh giá tr thanh toán trong h p ng mua bán ngo i th ng. ng ti n thanh toán th ng là các ngo i t m nh vì chúng m b o m t s yêu c u v tính n nh, tính chuy n i t do. Trong nhi u tr ng h p thì ng ti n thanh toán và ng ti n tính toán phù h p v i nhau. Có th là ng ti n c a m t trong hai i tác ho c ngo i t c a m t n c th ba.

1.2. Khái quát v ho t ng l u chuy n hàng hóa xuất khẩu trong các doanh nghi p kinh doanh xuất nh p khẩu

1.2.1. Khái ni m v l u chuy n hàng hóa xuất khẩu

L u chuy n hàng hóa xuất khẩu là quá trình a hàng hoá t l nh v c s n xuất n l nh v c tiêu dùng thông qua các ph ng th c mua bán và c th c hi n b i các n v kinh doanh xuất khẩu. Ho t ng l u chuy n hàng hóa xuất khẩu là ho t ng liên t c, th ng xuyên c a các doanh nghi p kinh doanh xuất nh p khẩu bao g m các quá trình mua bán, trao i và đ tr hàng hóa.

1.2.2. Yêu cầu quản lý hoạt động lưu chuyển hàng hoá xuất khẩu.

Do đặc điểm hoạt động kinh doanh xuất khẩu rất phức tạp, nên việc quản lý lưu chuyển hàng hoá cần đặc biệt quan tâm. Yêu cầu lý tưởng lưu chuyển hàng hoá xuất khẩu trong nội bộ doanh nghiệp thì doanh nghiệp cần nắm bắt những nội dung sau:

- Có đội ngũ công nhân viên hiểu biết nhất định về các hoạt động liên quan đến xuất khẩu, bao gồm thủ tục hải quan, thuế xuất khẩu và các quy định khác.

- Thường xuyên kiểm tra các nội dung trong quá trình kinh doanh hàng xuất khẩu.

- Có sổ sách kế toán riêng biệt để quản lý hàng tồn kho, quản lý vận chuyển... và ghi chép các nghiệp vụ liên quan. Ngoài ra còn phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ kiểm tra công việc của các bộ phận này thông qua công việc của họ.

1.2.3. Nhiệm vụ kế toán lưu chuyển hàng hoá xuất khẩu.

* Yêu cầu hạch toán hàng xuất khẩu.

Hạch toán hàng xuất khẩu cần thực hiện những yêu cầu sau:

- Theo dõi, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh xuất khẩu, từ khi mua hàng xuất khẩu, xuất khẩu và thanh toán hàng xuất khẩu, từ đó kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hợp đồng xuất khẩu.

- Mọi số liệu theo dõi, ghi chép, phản ánh chi tiết theo từng hợp đồng xuất khẩu từ khi làm phán, ký kết đến khi thanh toán và quy kết toán hợp đồng.

- Tính toán, xác định chính xác giá mua hàng xuất khẩu, thu và các khoản chi có liên quan đến hợp đồng xuất khẩu xác định kết quả nghiệp vụ xuất khẩu.

* Nguyên tắc hạch toán.

- Giá xuất hàng xuất khẩu: theo giá bình quân, theo giá nhập, FIFO, ...

- Giá bán hàng xuất khẩu là giá ghi trên hoá đơn. Doanh nghiệp bán theo giá nào thì ghi theo giá đó.

- *divis* ngoi thuế phức tạp thành tiền Việt Nam theo tỷ giá khoán hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoi tiền liên Ngân hàng do Nhà nước Việt Nam công bố.

- *divi* hàng xuất khẩu khi mua hàng chủ thuế GTGT, khi xuất khẩu thuế suất GTGT 0% thì hoàn thuế GTGT vào (trừ hàng nông, lâm, thủy sản mua của người nông dân).

1.3. Kế toán nợ ngân hàng xuất khẩu

1.3.1. Các phương thức nợ ngân hàng

Nợ ngân hàng cho xuất khẩu là toàn bộ hàng hoá, dịch vụ cá nhân, tài sản, cá nhân có khả năng xuất khẩu. Nợ ngân hàng cho xuất khẩu, các doanh nghiệp có thể sản xuất, có thể thu gom hoặc ký kết hợp đồng mua bán khách hàng. Tu theo các điều kiện hàng hoá và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp mà lựa chọn cho mình một hình thức thu gom phù hợp. Nợ ngân hàng như hình thức trình thức hiện hợp đồng, và uy tín của bên xuất khẩu, do vậy đây là khâu quan trọng trong hoạt động xuất khẩu.

Các phương thức nợ ngân hàng xuất khẩu:

** Các đơn vị trực tiếp sản xuất, gia công, chế biến:*

Theo phương thức này, doanh nghiệp tự mua nguyên vật liệu, mua sản phẩm chuyên sản xuất sản phẩm, gia công, chế biến. Sản phẩm tạo ra có thể do doanh nghiệp nắm bắt thị trường tiêu dùng mà sản xuất, hoặc do doanh nghiệp sản xuất chuyển vào ngân hàng ký kết với ngân hàng ngoài.

** Mua trực tiếp:*

Theo phương thức này, doanh nghiệp cần phải mua trực tiếp từ ngân hàng và ký kết hợp đồng mua hàng. Các đơn vị xuất khẩu trực tiếp khai thác, tài sản giao nhận

hàng và mua hàng từ các nhà sản xuất cung cấp. Nhà cung cấp có thể là các cá nhân hoặc các doanh nghiệp sản xuất trên thị trường.

* *Hàng gia công xuất khẩu:*

Theo quy định này, doanh nghiệp xuất khẩu sau khi mua hàng về, sẽ tiến hành ký kết hợp đồng với các cơ sở sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, giao vận tải, nguyên liệu cho các nhà gia công sản xuất theo hợp đồng. Sau khi kết thúc thi công gia công, hai bên tiến hành giao hàng, thanh toán tiền hàng và thanh lý hợp đồng gia công hàng xuất khẩu.

* *Chuyển hàng thu mua:*

Trên cơ sở hợp đồng, một bên bán chuyển hàng cho nhà sản xuất; hoặc ngược lại nhà sản xuất bán hàng trực tiếp cho bên nhập khẩu.

* *Hàng đi hàng:*

Theo quy định này, các doanh nghiệp xuất khẩu ký kết hợp đồng đi hàng với các doanh nghiệp có hàng xuất khẩu. Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết, các doanh nghiệp giao hàng và đi lý hàng xuất khẩu. Khoản chênh lệch giá trị hàng hoá trao đổi sẽ thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt. Hàng hoá trao đổi thường là máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.

1.3.2. Tính giá hàng nhập kho

Tính giá hàng xuất khẩu là công tác quan trọng vì chi phí chi trả của nhà sản xuất xuất khẩu, đòi hỏi phải tính giá chính xác giá trị hàng hoá nhập khẩu. Nguyên tắc tính giá là giá gốc, tức là giá bao gồm toàn bộ chi phí hình thành lên sản phẩm, hàng hoá cho đến khi nhập kho. Giá gốc là loại giá chi phí hình thành trên cơ sở các chi phí thực tế, hợp lý chứng minh các khoản chi phí hợp pháp của doanh nghiệp tạo ra sản phẩm và nhập kho hàng xuất khẩu.

Giá gốc của hàng nhập kho hàng xuất khẩu xác định theo từng đơn vị hàng nhập:

* Giá trị hàng mua ngoài thì giá gốc bao gồm:

Giá gốc	=	Giá mua ghi trên hoá đơn nguyên bán	+	Chi phí thu mua	+	Thu nhập khấu (nếu có)	-	Các khoản giảm trừ
--------------------	----------	--	----------	----------------------------	----------	---------------------------------------	----------	-------------------------------

+ Giá mua ghi trên hoá đơn có thu GTGT nếu doanh nghiệp tính thu theo phương pháp trực tiếp. Ngược lại, nếu doanh nghiệp tính thu theo phương pháp khấu trừ thì giá mua không bao gồm thu GTGT.

+ Chi phí thu mua bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, mua vận doanh nghiệp, chi phí thuê kho bãi, chi phí bốc dỡ, hao hụt trong nhậm các khi mua,税金 công tác phí cho người mua...

* Giá trị hàng gia công xong nhập kho thì giá trị hàng nhập kho là giá thành xuất kho và chi phí phát sinh trong quá trình gia công như chi phí vận chuyển bốc dỡ,税金 thuê gia công, chi phí nhân viên...

* Giá trị hàng tồn xuất: Giá trị hàng nhập kho là giá thành sản phẩm (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + chi phí nhân công trực tiếp + chi phí quản lý chung phân bổ) và các chi phí khác.

1.3.3. Chứng từ và Tài khoản sử dụng

* Chứng từ sử dụng

- Chứng từ gốc: Tùy theo nguồn hàng nhập mà chứng từ có thể khác nhau.

+ Hàng mua ngoài: sử dụng Hoá đơn GTGT (nếu tính thu theo phương pháp khấu trừ), hoặc sử dụng Hoá đơn bán hàng (nếu tính thu theo phương pháp trực tiếp).

+ Giá trị hàng hoá là nông, lâm, thủy sản nhập qua chợ búa, người bán không có Hoá đơn thì người mua phải lập Bảng kê hàng hoá mua vào làm cơ sở khấu trừ thu GTGT. Khi hàng này xuất kho thì không có hoàn thu GTGT.

+ Tài khoản hàng nhập khẩu: Chi tiết sổ đỏ là Hóa đơn thanh toán, khai hàng nhập khẩu hàng nhập khẩu.

+ Hàng thuê ngoài gia công chế biến: hàng gia công chế biến.

- Biên bản kiểm kê nhập xuất, hàng hóa, sản phẩm.

- Phiếu nhập kho: do bộ phận cung cấp (hàng mua ngoài), bộ phận sản xuất nhập (hàng tự sản xuất), hoặc do kế toán hàng tồn kho lập.

* Tài khoản sổ đỏ

+ Phương pháp kê khai thường xuyên.

TK 151: Hàng mua đang đi đường.

TK 155 : Thành phẩm

TK 156 : Hàng hóa.

TK 133 : Thu GTGT chi trả

TK 111, 112, 331...

+ Phương pháp kiểm kê thực tế:

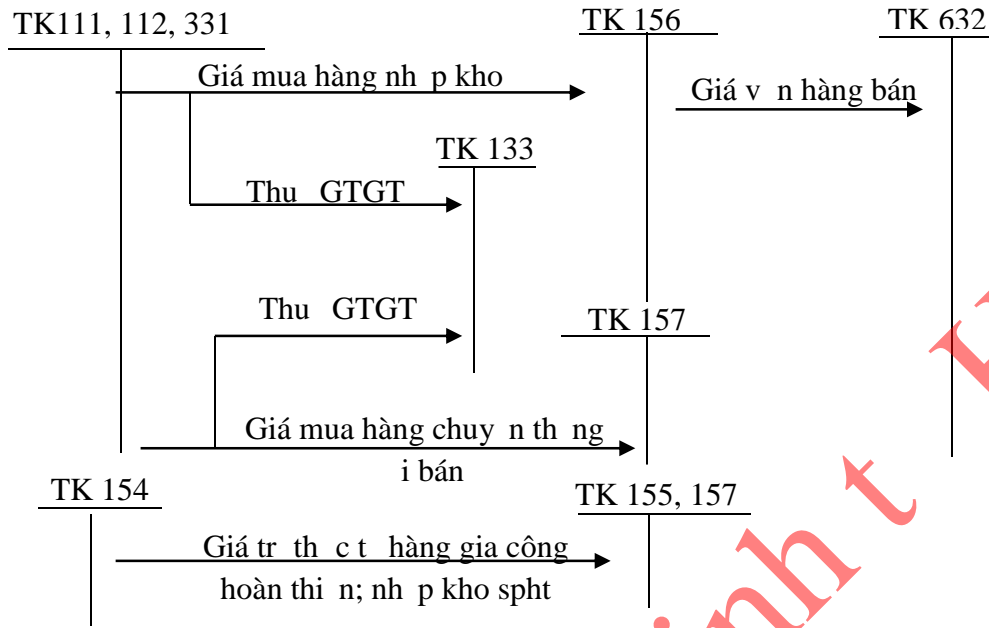
TK 611: Mua hàng.

TK 155, 156, 157, 133

Hàng ngày kế toán phân ánh các nghiệp vụ nhập mua hàng, kế toán sổ đỏ TK 611. Còn các TK 155, 156, 157 chi sổ đỏ phân ánh hàng hóa tồn kho và hàng tồn cuối kỳ. Tài khoản bán buôn, giá mua hàng bán, chi trả thuế nhập khẩu toán ghi giá mua thực tế trên TK 611.

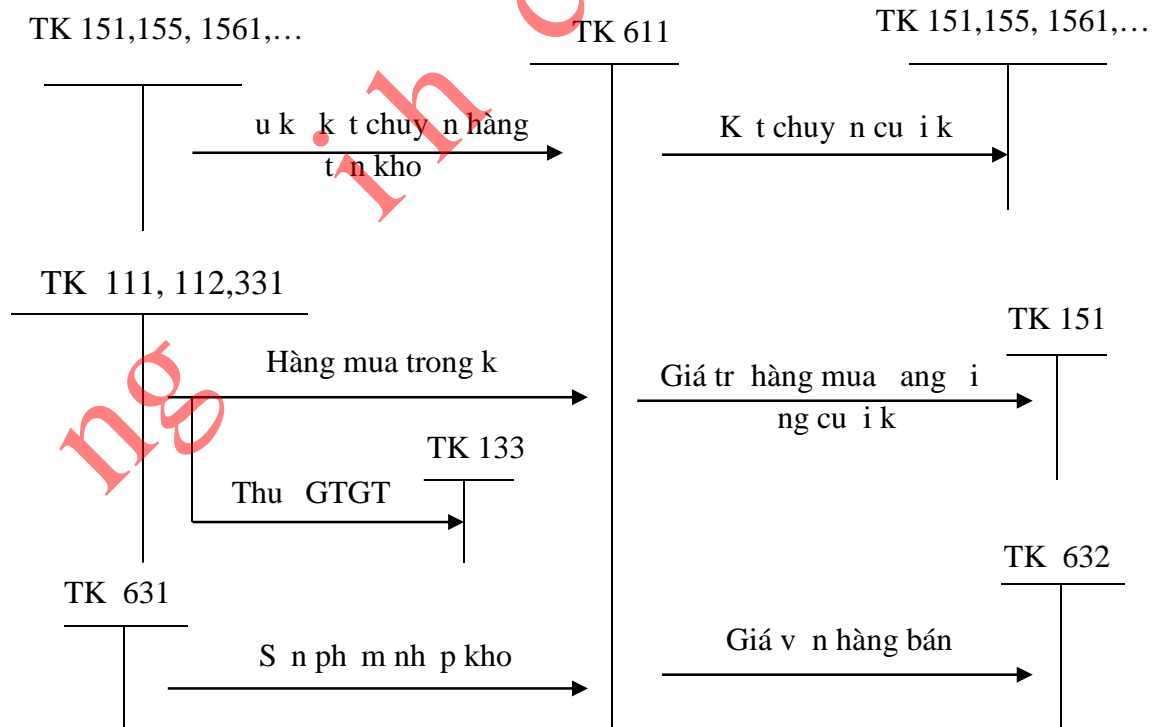
1.3.3. Hệ thống nghiệp vụ mua hàng xuất khẩu

❖ Hệ thống theo phương pháp kê khai thường xuyên



S 1.6: Quy trình hạch toán tài khoản hàng theo phương pháp KKTX

❖ Hạch toán theo phương pháp Kế toán kho



S 1.7: Quy trình hạch toán tài khoản hàng theo phương pháp KKK

1.4. Hình thức toán quá trình xuất khẩu hàng hóa

1.4.1. Phạm vi xác định hàng xuất khẩu

Hàng hoá được coi là xuất khẩu trong các trường hợp sau:

- ✓ Hàng xuất bán cho các thành viên nước ngoài theo hợp đồng ký kết.
- ✓ Hàng gửi đi trị giá sau đó bán thu bằng ngoại tệ.
- ✓ Hàng bán cho du khách nước ngoài, cho Việt kiều, thu bằng ngoại tệ.
- ✓ Các dịch vụ sửa chữa, bảo hiểm tàu biển, máy bay cho nước ngoài thanh toán bằng ngoại tệ.

✓ Hàng vận chuyển cho nước ngoài thông qua các hình thức vận chuyển do Nhà nước ký kết với nước ngoài nhưng thực hiện qua doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

1.4.2. Thời điểm xác định hàng xuất khẩu

Thành phẩm (hàng hoá) được xác định là hàng xuất khẩu khi thành phẩm (hàng hoá) đã được trao cho bên mua, đã hoàn thành các thủ tục Hải quan. Tuy nhiên, tùy theo phương thức giao nhận thành phẩm (hàng hoá), thời điểm xác định hàng xuất khẩu có khác nhau. Cụ thể:

- Nếu hàng vận chuyển bằng đường biển, hàng được coi là xuất khẩu tính ngay từ thời điểm thuyền trưởng ký vào vận đơn, hải quan đã ký xác nhận mặt thủ tục hải quan riêng.
- Nếu hàng vận chuyển bằng đường sông, hàng được coi là xuất khẩu tính từ ngày hàng được giao tại ga của khách theo xác nhận của hải quan của khách.
- Nếu hàng xuất khẩu vận chuyển bằng đường hàng không, hàng xuất khẩu được xác nhận từ khi công trình máy bay ký vào vận đơn và hải quan sân bay ký xác nhận hoàn thành các thủ tục hải quan.
- Nếu vận hàng hàng không, hàng được coi là xuất khẩu tính từ khi hoàn thành thủ tục bán hàng thu ngoại tệ.

1.4.3. Nội dung hạch toán quá trình xuất kho hàng hóa

1.4.3.1. Chứng từ sử dụng

Hạch toán ban đầu thành phẩm (hàng hóa) xuất kho, kế toán cần có đầy đủ các chứng từ liên quan, tất cả các chứng từ mua hàng trong năm như: hợp đồng mua hàng, phiếu xuất kho, hóa đơn, vận đơn, ...; chứng từ thanh toán hàng mua trong năm (như phiếu chi, giấy báo Nợ ...) và các chứng từ xuất kho hàng hóa (như biên chứng từ thanh toán, các chứng từ ngân hàng, chứng từ xuất hàng).

Biên chứng từ thanh toán bao gồm:

- Hóa đơn thương mại: là chứng từ cơ bản của khâu thanh toán
- Biên kê đóng gói: là biên kê khai tất cả hàng hoá đang trong đợt kiểm hàng
- Giấy chứng nhận xuất xứ: là chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp xác nhận nội sản xuất hoặc khai thác hàng hoá.
- Giấy chứng nhận phẩm chất: là chứng từ xác nhận phẩm chất của hàng hoá thực tế giao và chứng minh phẩm chất của hàng hoá phù hợp với hợp đồng.
- Giấy chứng nhận số lượng
- Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng
- Giấy chứng nhận bảo hiểm
- Tờ khai hải quan
- Vận đơn vận chuyển biển, vận đơn vận chuyển không: chứng nhận của vận chuyển viên về số lượng, số lượng, nội dung, nội địa.

1.4.3.2. Tài khoản sử dụng

Hạch toán nghiệp vụ xuất kho hàng hoá, kế toán sử dụng các tài khoản:

TK 157-Hàng gửi bán

TK 156-Hàng hoá

TK 632-Giá trị hàng bán

TK 511-Doanh thu bán hàng

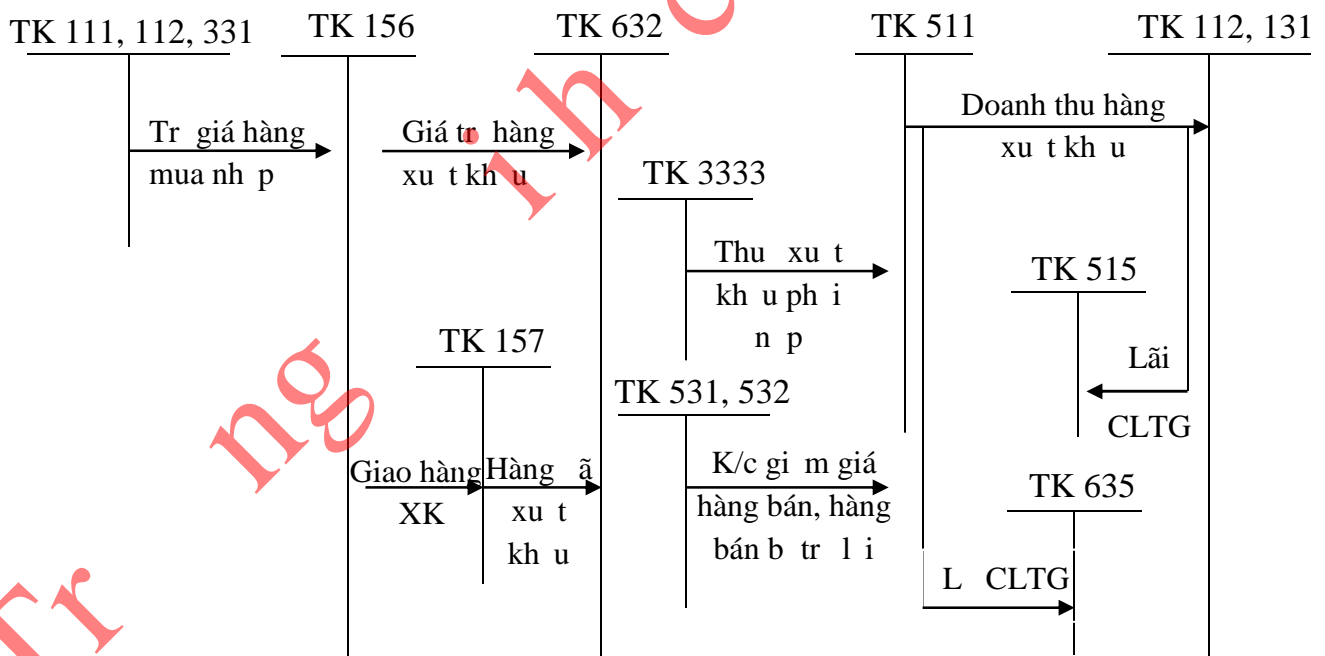
TK 131-Phí thu của khách hàng

TK 331-Phí trả cho người bán....

Các tài khoản này có kế cấu và nội dung phản ánh ghi nhận các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

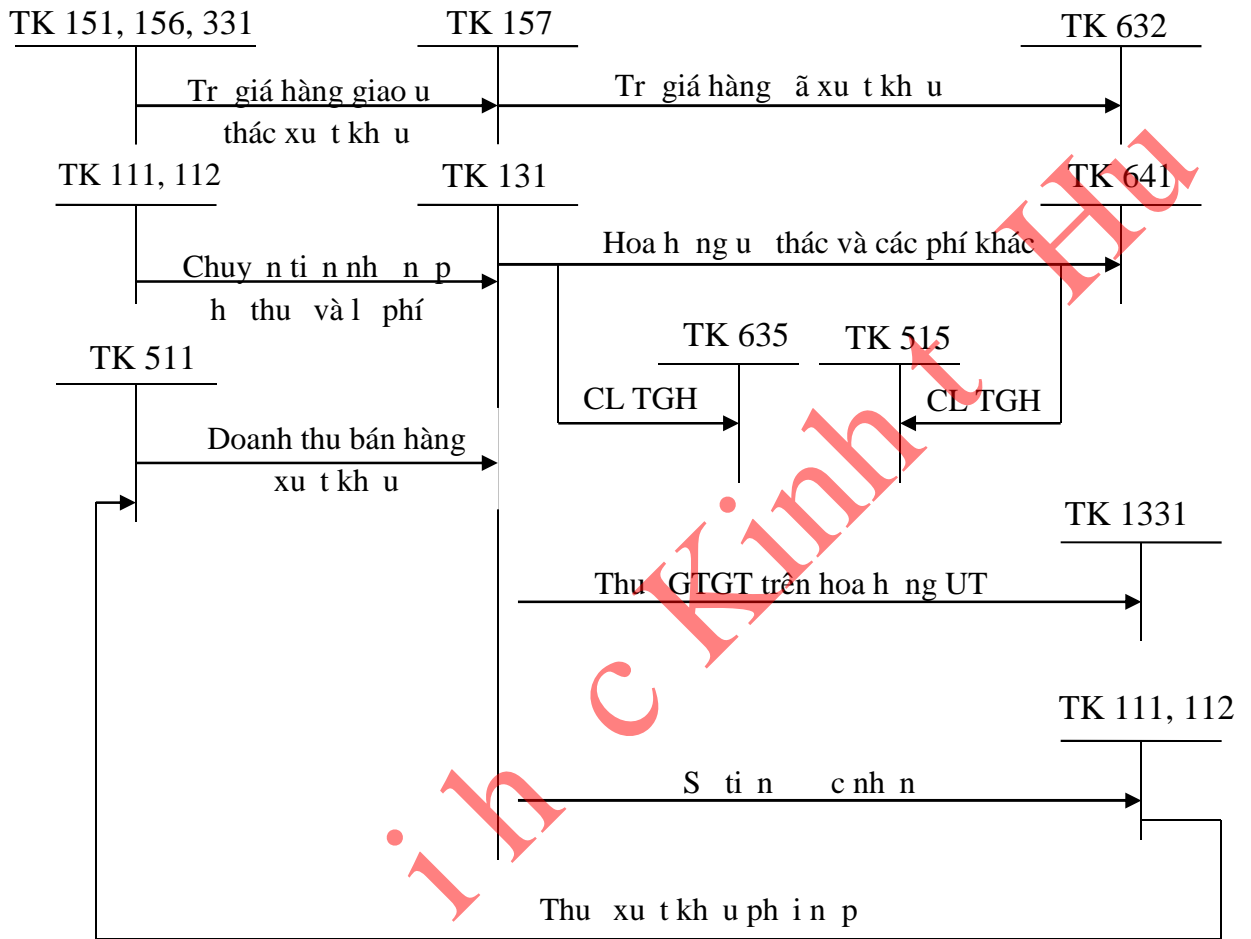
1.4.3.3. Hệ thống tài khoản hàng hoá trực tiếp

Nghiệp vụ hàng hoá trực tiếp theo phương pháp KKTX có khái quát bảng sau:



S 1.8: Hệ thống tài khoản hàng hoá trực tiếp

1.4.3.5. Hệ thống kế toán nghiệp vụ xuất khẩu y tế



S 1.9: Hệ thống kế toán nghiệp vụ xuất khẩu y tế

Trang

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Liên Minh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Liên Minh

2.1.1.1. Khái quát chung về Công ty

- Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Liên Minh
- Tên tiếng Anh: Lien Minh Joint Stock Company
- Tên viết tắt: LIENMINH.,JSC
- Mã số thuế : 3301126795
- Địa chỉ : 135 Nguyễn Lê , Phường Thuận Lộc , TP Huế , Tỉnh Thừa Thiên Huế .
- Trụ sở chính: 57/1 Nguyễn Khoa Chiêm, Phường An Tây, TP Huế , Tỉnh Thừa Thiên Huế .
- Số điện thoại : 054.3840567 Số Fax: 054.3840789
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán hàng ăn lát mặt mành và kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Vốn điều lệ : 7.500.000.000 VNĐ (Bảy tỷ năm trăm triệu VNĐ)
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quang Hòa.

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Liên Minh được thành lập từ tháng 12 năm 2009, ngành nghề kinh doanh là sản xuất, mua bán hàng ăn lát mặt mành và kinh doanh dịch vụ vận tải.

Bắt đầu từ ý tưởng sản xuất các loại bàn ghế nhựa thêu nhồi da qua quá trình học hỏi và nghiên cứu thực tiễn, Công ty Cổ phần Liên Minh đã bắt tay sản xuất các loại bàn ghế nhựa sinh hoạt phục vụ khách hàng. Loại hình sản xuất mà thành này là công ty làm theo đơn hàng của khách, tự mua mã, màu sắc nên chất lượng. Trong đó,

chất lượng an hàng xuất khẩu công ty tại hàng loạt các doanh nghiệp sản xuất sinh hoạt Thành phố Hồ Chí Minh và không lo thị trường. Ngoài ra, nhu cầu vận tải hàng hóa tại Hồ Chí Minh ngày càng tăng mạnh, là yếu tố thúc đẩy Công ty vận tải hình kinh doanh vận tải, góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của Công ty.

Qua 5 năm đi vào hoạt động, Công ty đã triển khai ào tạo nghề hơn 500 lao động, tạo công việc làm cho gần 200 lao động trong đó chủ yếu là lao động nông thôn. Công ty đã và đang ra nhiều chính sách miễn giảm chi phí thi công kinh doanh, bằng phẳng hàng phát triển ngành dịch vụ chi phí giảm giá thấp hơn các chi phí trên thị trường nhằm có cùng chất lượng và không nhàn nhàn như các công ty. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sản xuất thành công nhiều loại bàn ghế sinh hoạt và các thiết bị khác ngoài thị trường, các sản phẩm chất lượng sinh hoạt sản xuất theo quy trình khép kín từ khâu làm khung sắt, sơn tĩnh điện hoặc khung inox và an dây nhôm.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Liên Minh

2.1.2.1. Chức năng

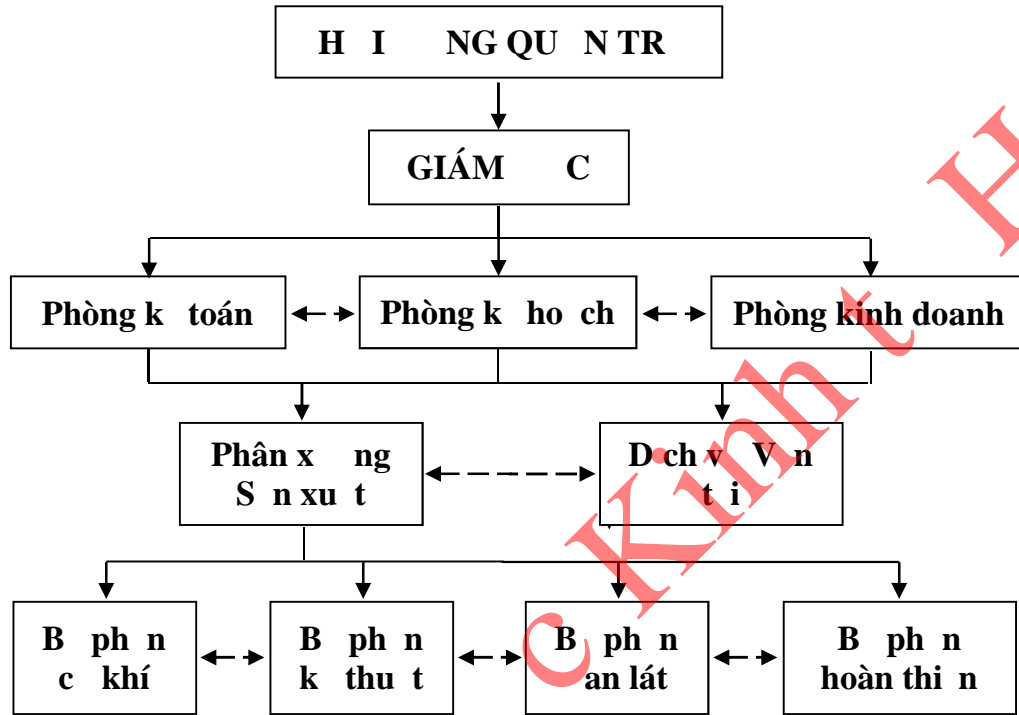
- Công ty Cổ phần Liên Minh có chức năng sản xuất, mua bán hàng an lát mặt sàn nội thất sinh hoạt và xuất khẩu.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa trong nước.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

- Công ty tạo điều kiện cho người lao động và nhân viên có cơ hội làm việc thực sự.
- Thay đổi phương thức quản lý và điều hành theo luật doanh nghiệp, tạo nên môi trường thúc đẩy hoạt động kinh doanh mới cách có hiệu quả.
- Tăng cường cho các công đồng và đóng góp cho ngân sách nhà nước.

2.1.3. Tổ chức máy quản lý của công ty Cổ phần Liên Minh

2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức máy quản lý của Công ty Cổ phần Liên Minh



Ghi chú:
 → Quan hệ chỉ đạo
 ↔ Quan hệ hỗ trợ

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức máy quản lý của Công ty Cổ phần Liên Minh

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ

- **Hội đồng quản trị**: Là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quy định những vấn đề liên quan đến mục đích, quy định của công ty.
- **Giám đốc**: Là người lập kế hoạch tổng thể cho công ty. Chịu trách nhiệm và chịu trách nhiệm về sử dụng quy định của mình. Quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quy định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.

- **Phòng kế toán:** Thực hiện chế độ kế toán kế toán, lập quy trình luân chuyển chứng từ, duy trì và quy định sổ sách, theo dõi công nợ, quản lý vốn, chi tiêu hành chính, liên lạc cung cấp các số liệu cần thiết cho giám đốc một cách chính xác. Lập báo cáo tài chính và kế hoạch tài chính của Công ty

- **Phòng kế hoạch:** Xây dựng kế hoạch sản xuất theo nhu cầu mà công ty đưa ra; xây dựng kế hoạch phát triển Công ty và nhu cầu ngày càng chi tiêu; cung cấp đầu vào, theo dõi tiến độ sản xuất chung, bao tiêu sản phẩm đưa ra; quy định kế hoạch, nhu cầu, tiến độ sản xuất hàng tuần, tháng, quý, năm tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất có gì bất hợp lý kịp thời và báo cáo cho ban giám đốc theo quy định.

- **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực kinh doanh vận tải và kinh doanh hàng hóa, nghiên cứu xuất cho giám đốc ký kết các hợp đồng vận tải; tham mưu cho giám đốc nhân sự tuyển dụng vận tải và nhân sự quản lý phù hợp có chi tiêu, xây dựng giá cước vận tải trên nhu cầu tuyển dụng.

- **Bộ phận kỹ thuật:** Là nơi làm ra các khung cửa sản phẩm nhôm bàn ghế, giường ngủ nhôm theo mẫu mã của các cửa hàng.

- **Bộ phận kỹ thuật:** Bao gồm những người sản xuất công nhân an lát, và những công nhân làm ra các khung nhôm cửa sản phẩm đúng theo từng cửa hàng.

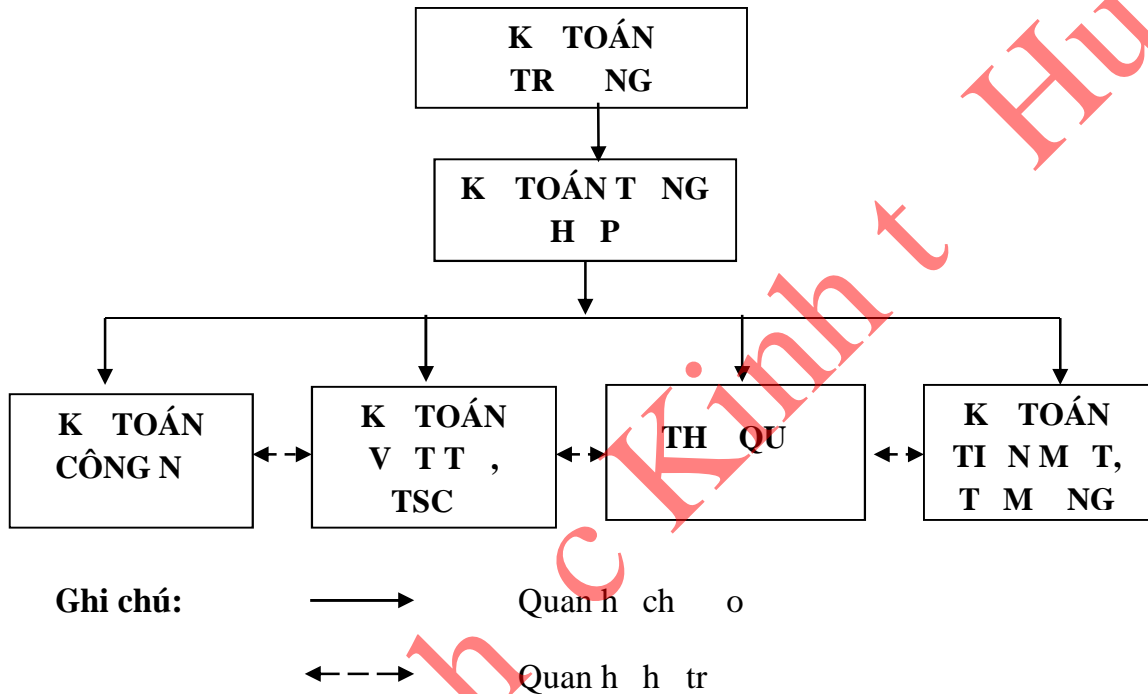
- **Phân xưởng an:** Đây là nơi tập trung công nhân an lát các sản phẩm cửa công ty cùng với các bộ phận kỹ thuật, hoàn thiện, kỹ thuật.

- **Bộ phận hoàn thiện:** Là khâu cuối cùng trong chu trình sản xuất ra một sản phẩm cửa công ty. Tiến hành sản phẩm sau kiểm tra một cách kỹ lưỡng hoàn thiện cửa sản phẩm, nếu có sản phẩm sai sót sẽ tiến hành sửa lại. Sau đó, đóng gói hoàn thiện chuyển đi theo từng cửa hàng.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Liên Minh

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

a. Sơ đồ bộ máy kế toán tại CTCP Liên Minh



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Liên Minh

b. Nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận kế toán

- Kế toán trưởng:** Làm việc theo các chỉ định dành cho các kế toán trưởng. Có chức năng giúp Giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế theo các chỉ mục. Chịu trách nhiệm về tổ chức công tác kế toán thống kê cho phù hợp. Thông qua phân công kiểm tra, kiểm soát chỉ đạo công tác nghiệp vụ các phần hành công tác tài chính- kế toán nhằm tham gia nghiên cứu các vấn đề tài chính quản lý trong Công ty khai thác hiệu quả mọi nguồn lực.
- Kế toán tổng hợp:** Chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu các bộ phận, lập báo cáo kế toán cho toàn công ty nhằm kiểm tra theo quy định. Đây cũng là người kiểm tra hạch toán tổng hợp phần, tổ chức bộ quản lý lưu trữ các chứng từ, sổ sách, sổ sách kế toán.

- **K toán công nợ** : Theo dõi công nợ phải trả, phải thu với khách hàng. Khảo sát, thi t k và giám sát. Thanh toán công tác phí của Khảo sát, thi t k, giám sát. Tiếp nhận bàn giao công việc của nhân viên kế toán khác khi vắng mặt tại văn phòng theo yêu cầu của Kế toán trưởng.

- **K toán v t t, TSC** : Theo dõi biến động tình hình tài sản công nợ và v t t. Thực hiện việc ký trích khấu hao hàng tháng đồng thời kiểm công tác phí sách.

- **Th qu** : Theo dõi tín dụng, trực tiếp giao dịch với ngân hàng và các ngân hàng kế toán ngân hàng như: y nhĩ m chi, Gi y báo có và sổ d tài khoản tín dụng ngân hàng. Ngoài ra, th qu còn kiêm nhiệm thêm chức năng của kế toán thanh toán.

- **K toán Tín dụng, T m ng**: Theo dõi tín dụng, theo dõi t m ng hàng ngày, vị t phí thu tín dụng, phí chi tín dụng công vào chứng từ gốc để duy trì và photo phí thu tín dụng chuyển cho kế toán công nợ lưu vào hồ sơ khách hàng.

2.1.4.2. Tổ chức và nội dung kế toán

a. Chức năng và nhiệm vụ kế toán áp dụng

CTCP Liên Minh áp dụng kế toán và nội dung ban hành theo Quy định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính, các chức năng kế toán hiện hành do Bộ Tài Chính ban hành, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện kèm theo.

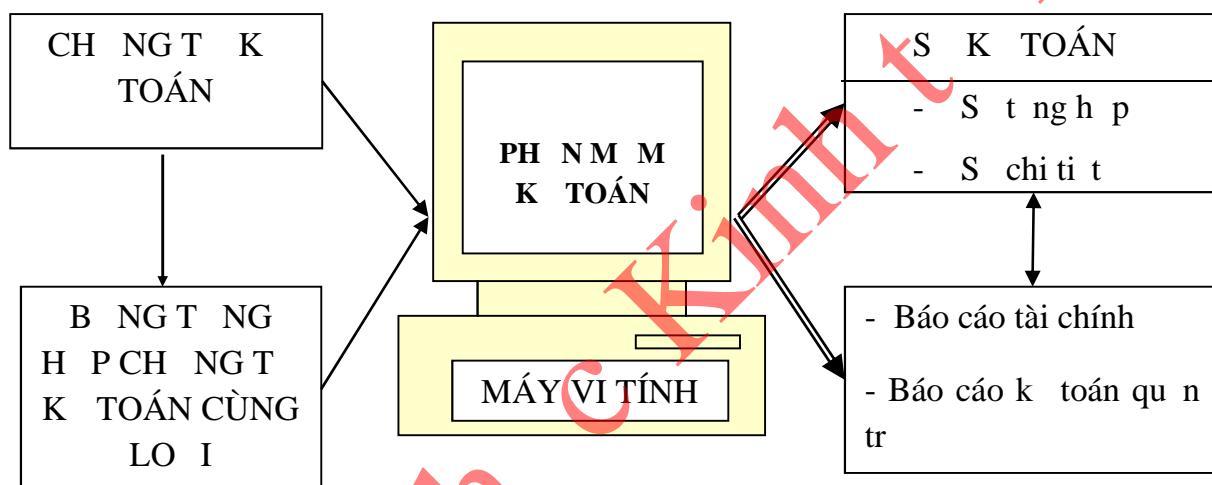
b. Các chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu vào ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch
- Đơn vị tính kế toán sổ sách: đồng Việt Nam
- Chế độ kế toán áp dụng: Kế toán doanh nghiệp và nội dung theo quy định số 48/2006/QĐ /BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá gốc
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ sổ sách: Phương pháp khấu hao thẳng.

- Hình thức toán thu GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Hình thức ghi sổ: Kế toán máy hình thức chứng từ ghi sổ.

2.1.4.3. Hình thức ghi sổ kế toán

Hiện nay Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính, sử dụng bộ chứng từ sổ sách của hình thức Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇔ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇐ Kiểm tra, kiểm soát

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Kế toán Việt Nam

2.1.5. Tình hình năng lực kinh doanh của công ty giai đoạn 2013-2015

2.1.5.1. Tình hình lao động của công ty giai đoạn 2013-2015

Qua bảng 2.1 dưới đây, ta thấy tình hình lao động của công ty tăng qua các năm. Cụ thể là năm 2014 tăng 32 người so với năm 2013 hay tăng 4,8%, năm 2015 tăng 3,7%

tăng trưởng 26% so với năm 2014. Số biên này cho thấy quy mô sản xuất của Công ty ngày càng mở rộng qua các năm. Tuy nhiên chúng ta hãy xem xét chi tiết hơn số biên lao động phân theo giới tính, theo tính chất công việc và theo trình độ.

Theo giới tính: Năm 2013, lao động nam có 553 người chiếm 82,78%; năm 2014 lao động nam có 594 người chiếm 84,86%; năm 2015, lao động nam có 619 người chiếm 82,26%. Như vậy, lao động nam chiếm đa số trong tổng số lao động và có số biên lao động tăng qua các năm. Ta thấy, năm 2014 so với năm 2013 lao động nữ giảm 9 người hay giảm 7,83%, lao động nữ năm 2015 giảm 1 người so với năm 2014 tăng 10% về mặt giảm 0,94%. Còn lao động nam năm 2014 tăng 41 người so với năm 2013 hay tăng 7,41%, năm 2015 số lao động nam tăng 4,21% tăng 25 người so với năm 2014.

Theo tính chất công việc: Vì là công ty chuyên sản xuất an lát hàng thủ công nên ta thấy số lao động trực tiếp chiếm một tỷ trọng khá cao. Số lao động trực tiếp năm 2013 là 620 chiếm 92,8%, năm 2014 số lao động trực tiếp chiếm 90,86% tăng 13 người, năm 2015 số người lao động trực tiếp là 654 người chiếm 90,08% trong tổng số lao động. Số lao động trực tiếp tăng qua các năm cụ thể là năm 2014 tăng 16 người hay tăng 2,58% so với năm 2013, năm 2015 số lao động trực tiếp tăng 2,83% tăng 18 người. Số lao động gián tiếp cũng tăng trong giai đoạn 2013 – 2015, cụ thể là năm 2014 tăng 16 người hay tăng 33,33% so với năm 2013, năm 2015 tăng 12,5% tăng 1 người so với năm 2014. Mặc dù số lao động trực tiếp tăng lên nhưng tỷ trọng lao động trực tiếp lại giảm trong tổng số lao động vì mặt giảm % số lao động gián tiếp tăng cao hơn % số lao động trực tiếp tăng qua ba năm.

Theo trình độ: Năm 2013 và 2014 công ty vẫn chỉ có lao động trình độ trên trung bình, năm 2015 công ty đã có 1 lao động trình độ này. Số lao động trình độ cao năm 2014 so với năm 2013 tăng 13 người hay tăng 26%, năm 2015 tăng 7 người hay tăng 11,11% so với năm 2014. Mặc dù số lao động trình độ cao tăng nhưng năm nay số lao động trung bình và phổ thông vẫn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số lao động.

ng. Tỷ lệ số lao động phổ thông giai đoạn 2013 – 2015 chiếm tỷ trọng rất cao, năm 2013 là 515 người chiếm 77,1% trong tổng số lao động, năm 2014 chiếm 73,86% tổng số lao động là 517 người, năm 2015 là 513 người chiếm 70,66% trong tổng số lao động. Vì vậy trình độ của lao động trong công ty không cao.

Tóm lại, qua phân tích tỷ lệ quy mô và cơ cấu lao động của công ty Cổ phần Liên Minh là khá hợp lý, vì cơ cấu lao động phù hợp với các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, trình độ của người lao động trong công ty vẫn còn thấp, do đó trong những năm tới công ty nên bổ sung nguồn lao động có trình độ cao hơn để thích ứng với các nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo cho nhân viên, nhiệm vụ sản xuất và phát huy hiệu quả hoạt động của công ty.

Bảng 2.1: Tình hình lao động của công ty Cổ phần Liên Minh giai đoạn 2013-2015

VT: Người

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		2014/2013		2015/2014	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	+/-	%	+/-	%
Tổng số	668	100	700	100	726	100	32	4,80	26	3,70
Trong đó										
1. Theo giới tính										
- Nam	553	82,78	594	84,86	619	82,26	41	7,41	25	4,21
- Nữ	115	17,22	106	15,14	107	17,74	(9)	(7,83)	1	0,94
2. Theo trình độ công nhân viên										
- Trình độ cao	620	92,8	634	90,86	654	90,08	16	2,58	18	2,83
- Trình độ trung cấp	48	7,2	64	9,14	72	9,92	16	33,33	8	12,50
3. Theo trình độ chuyên môn										
- Trình độ chuyên môn cao	0	0	0	0	1	0,14	0	0	1	100
- Trình độ chuyên môn trung cấp	50	7,5	63	9	70	9,64	13	26	7	11,11
- Trình độ chuyên môn thấp	103	15,4	120	17,14	142	19,56	17	16,50	22	18,33
- Lao động phổ thông	515	77,1	517	73,86	513	70,66	2	0,39	-4	(0,77)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Liên Minh)

2.1.5.2. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty giai đoạn 2013-2015

Bảng 2.2: Tình hình tài sản, nguồn vốn của CTCP Liên Minh giai đoạn 2013-2015

VT: nghìn

Ch tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		2014/2013		2015/2014	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	+/-	%	+/-	%
TÀI SẢN										
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.279.598.295	9,88	5.355.535.443	21,11	5.928.198.199	22,98	3.075.937.148	134,93	572.662.756	10,69
1. Tiền và khoản thanh toán	844.620.191	3,66	1.613.642.845	6,36	203.233.486	0,79	769.022.654	91,05	(1.410.409.359)	(87,41)
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	0	0	391.578.855	1,54	893.436.084	3,46	391.578.855	100,00	501.857.229	128,16
3. Hàng tồn kho	1.434.978.104	6,22	3.345.872.053	13,19	4.831.528.629	18,73	1.910.893.949	133,17	1.485.656.576	44,40
4. Tài sản ngắn hạn khác	0	0	4.441.690	0,02	0	0	4.441.690	100	(4.441.690)	(100)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	20.800.091.924	90,12	20.009.364.312	78,89	19.870.084.459	77,02	(790.727.612)	(3,80)	(139.276.853)	(0,70)
1. Tài sản cố định	20.212.141.098	87,58	19.433.863.258	76,62	19.136.355.346	74,18	(778.278.640)	(3,85)	(297.507.912)	(1,53)
2. Các khoản TTC dài hạn khác	400.000.000	1,73	400.000.000	1,58	400.000.000	1,55	0	0	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	187.950.026	0,81	175.501.054	0,69	333.729.113	1,29	(12.448.972)	(6,62)	158.228.059	90,16
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	23.079.690.219	100	25.364.899.755	100	25.798.282.658	100	2.285.209.536	9,90	433.382.903	1,71
NGUỒN VỐN										
A. NỢ PHẢI TRẢ	8.280.564.253	35,88	10.442.006.956	41,17	10.696.010.900	41,46	2.161.442.703	26,10	254.003.944	2,43
1. Nợ ngắn hạn	130.564.253	0,57	3.772.006.956	14,87	5.506.010.900	21,34	3.641.442.703	2789	1.734.003.944	45,97
2. Nợ dài hạn	8.150.000.000	35,31	6.670.000.000	26,3	5.190.000.000	20,12	(1.480.000.000)	(18,20)	(1.480.000.000)	(22,19)
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.799.125.966	64,12	14.922.892.799	58,83	15.102.271.758	58,54	123.766.833	0,84	179.378.959	1,20
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	23.079.690.219	100	25.364.899.755	100	25.798.282.658	100	2.285.209.536	9,90	433.382.903	1,71

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán của CTCP Liên Minh năm 2014 và 2015)

Nhận xét:

❖ *Tình hình Tài sản:* Tình hình hoạt động SXKD thì nguồn vốn và tài sản là hai yếu tố tiên quyết và ưu tiên trong bất kỳ một doanh nghiệp (DN) nào. Tùy vào tính chất, đặc điểm hoạt động sản xuất mà mỗi DN có một cơ cấu vốn và tài sản khác nhau, nhưng chung quy lại thì vốn và tài sản là một nguồn lực quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi DN. Chính vì vậy, để phân tích và đánh giá tình hình biến động của tài sản, nguồn vốn của công ty trong 3 năm gần đây.

Qua bảng số liệu trên ta thấy tổng giá trị tài sản của công ty năm 2014 so với năm 2013 tăng 2.285.209.536 đồng (tăng 9,9%), và năm 2015 so với năm 2014 tăng 433.382.903 đồng (tăng 1,71%). Trong đó:

▪ Tài sản ngắn hạn năm 2014 so với năm 2013 tăng 3.075.937.148 đồng (tăng 134,93%). Và năm 2015 so với năm 2014 tăng 572.662.756 đồng (tăng 10,69%).

▪ Tài sản dài hạn của công ty năm 2014 so với năm 2013 giảm 790.727.612 đồng (giảm 3,8%), và năm 2015 so với năm 2014 giảm 139.276.853 đồng (giảm 0,7%). Tỷ lệ này tăng phù hợp với chiến lược quản lý và đầu tư, bởi TSCM có tính chất quản lý và đầu tư và phát triển của doanh nghiệp.

Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu cho thấy khả năng thanh toán tốt, tuy nhiên công ty cần phải sử dụng tín dụng cẩn thận để tránh tình trạng tín dụng quá mức vào cuối kỳ gây lãng phí. Tài sản dài hạn giảm cho thấy tình hình trang thiết bị, TSCM chưa có đầu tư mới, chưa mua sắm thêm các tuyến đường, chuyên xe,...

❖ *Tình hình nguồn vốn:* Nguồn hình thành tài sản cho biết tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Chính tình hình tài chính của một doanh nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của doanh nghiệp. Ngày càng tăng công nợ có xu hướng giảm dần hoặc tăng với lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tổng số vốn 2.285.209.536 đồng (tăng 9,9%) còn năm 2015 so với năm 2014 tăng lên 433.382.903 đồng (tăng 1,71%). Trong đó:

- Nợ phải trả năm 2014 so với năm 2013 tăng 433.382.903 đồng (tăng 26,1%), còn năm 2015 so với năm 2014 tăng lên 254.003.944 đồng (tăng 2,43%). Nguồn vốn này đa số do ngân hàng và các nhà đầu tư cung cấp. Do đó công ty cần phải chú ý đến các khoản nợ, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

- Nguyên nhân năm 2014 so với năm 2013 tăng 3.641.442.703 đồng (tăng 2789,0%) còn năm 2015 so với năm 2014 tăng lên 1.734.003.944 đồng (tăng 45,97%). Nguyên nhân năm 2014 so với năm 2013 giảm 1.480.000.000 đồng (tăng 18,2%), còn năm 2015 so với năm 2014 tăng 1.480.000.000 đồng (tăng 22,19%). Điều này cho thấy, Công ty ngày càng có uy tín trong mắt các nhà đầu tư là điều kiện thuận lợi để huy động vốn trong tương lai, tăng vay ngắn hạn và giảm vay dài hạn.

- Vốn chủ sở hữu năm 2014 so với năm 2013 tăng 123.766.833 đồng (tăng 0,84%) còn năm 2015 nguồn vốn này tiếp tục tăng so với năm 2014 là 179.378.959 đồng (tăng 1,2%). Đó là điều kiện tốt trong khi ngân hàng huy động vốn của doanh nghiệp, trong bối cảnh các nhà đầu tư đang ngày càng quan tâm đến thu lãi trong quá trình đầu tư trên thị trường.

Tóm lại, trong 3 năm qua CTCP Liên Minh xây dựng cho mình một cơ cấu nguồn vốn, tài sản tăng trưởng và phát triển. Trên đây chỉ là số liệu cơ bản để phân tích mà công ty điều chỉnh phù hợp với yêu cầu SXKD. Ngoài ra, mục tiêu cho công ty hoạt động lâu dài bền vững, có hiệu quả cao trong tương lai thì đòi hỏi Ban lãnh đạo của công ty cần phải chú trọng hơn nữa vào việc xử lý điều chỉnh các chỉ tiêu, khoản mục trong cơ cấu tài sản, nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả phù hợp với các quy luật kinh tế. Có như vậy, mới có thể cân bằng trong cơ cấu. Đó giúp cho công ty có thể vượt qua những khó khăn và thách thức kinh tế xã hội.

2.1.5.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2013-2015

Bảng 2.3: Tình hình SXKD của CTCP Liên Minh giai đoạn 2013-2015

VT: nghìn

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	2014/2013		2015/2014	
				+/-	%	+/-	%
1. Doanh thu BH và CCDV	6.409.419.521	6.390.675.872	8.542.638.052	(18.743.649)	0,29	2.151.962.180	33,67
2. Các khoản ghi giảm doanh thu	0	0	0	0	0,00	0	
3. Doanh thu thuần BH và CCDV	6.409.419.521	6.390.675.872	8.542.638.052	(18.743.649)	0,29	2.151.962.180	33,67
4. Giá trị hàng bán	3.957.987.818	3.676.190.816	6.007.269.522	(281.797.002)	7,12	2.331.078.706	63,41
5. Lãi nhu nhập BH và CCDV	2.451.431.703	2.714.485.056	2.535.368.530	263.053.353	9,69	(179.116.526)	(6,59)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10.733	561.728	819.633	550.995	5133,70	257.905	45,91
7. Chi phí tài chính	154.171.172	439.451.409	1.028.931	285.280.237	185,04	(438.422.478)	(99,77)
8. Chi phí quản lý kinh doanh	1.745.801.845	2.110.582.989	2.315.039.243	364.781.144	20,89	204.456.254	9,69
9. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	551.469.419	165.012.386	220.119.989	(386.457.033)	(70,08)	55.107.603	33,39
10. Thu nhập khác	0	0	0	0	0	0	0
11. Chi phí khác	0	0	2.220.032	0	0	2.220.032	100
12. Lãi nhuận khác	0	0	(2.220.032)	0	0	(2.220.032)	(100)
13. Tổng lãi nhuận kế toán trước thuế	551.469.419	165.012.386	217.899.957	(386.457.033)	(70,08)	52.887.571	32,05
14. Thuế TNDN hiện hành	96.507.147	41.253.097	38.520.998	(55.254.650)	(57,25)	(2.732.099)	(6,62)
15. Lãi nhuận sau thuế TNDN	454.962.272	123.759.289	179.378.959	(331.202.983)	(72,79)	55.619.670	44,94

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của CTCP Liên Minh năm 2014 và 2015)

Nhận xét:

Qua bảng 2.3, ta thấy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2014 so với năm 2013 đã giảm 18,743 triệu hay giảm 0,29%, năm 2015 thì tăng mạnh 2,151 triệu hay tăng 33,67% so với năm 2014. Với lợi nhuận nhav chính trị - xã hội và nguồn lao động nên doanh thu đã có sự tăng lên.

Cùng với sự gia tăng của doanh thu thì giá trị hàng bán có sẵn cũng tăng. Năm 2013 là 3,957 triệu, năm 2014 là 3,676 triệu hay giảm 281,797 triệu hay giảm 7,12% so với năm 2013 nhưng qua năm 2015 thì tăng 2,331 triệu so với năm 2014. Do đó, công ty cần tìm kiếm những nguồn cung cấp nguyên liệu vào và ra nhằm bổ sung, mua hàng, tránh tình trạng mua hàng hóa qua nhiều kênh phân phối. Do giá trị hàng bán và chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh có sẵn cũng nên làm cho lợi nhuận thuần của công ty có sẵn cũng tăng.

Lợi nhuận thuần năm 2014 so với năm 2013 giảm 386,457 triệu hay 70,08%, nhưng năm 2015 so với năm 2014 có sẵn cũng tăng khi lợi nhuận thuần đã tăng lên 55,107 triệu hay tăng 33,39%. Điều này chứng tỏ sẵn cũng đạt các chỉ tiêu trên.

Với lợi nhuận thuần của năm thì công ty đã nộp thuế đúng thời hạn cho Nhà nước. Nộp thuế đúng nghĩa là lợi nhuận thực của công ty. Sau khi nộp thuế cho Nhà nước, phần lợi nhuận còn lại sẽ được công ty phân phối theo cách phù hợp cho các quốc gia công ty như quỹ phòng, quỹ khen thưởng cho nhân viên vào các dự án đầu tư hoặc bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh của công ty. Lợi nhuận sau thuế năm 2014/2013 giảm 331,202 triệu hay giảm 72,79%, năm 2015/2014 tăng 55,619 triệu hay tăng 44,94%.

Cuộc khủng hoảng kinh tế, kéo theo những hậu quả của nó, cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên đã ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Những nhà lãnh đạo, kế hoạch đã ra các chính sách phát triển kinh doanh phù hợp để giúp công ty trở nên vững và phát triển mạnh mẽ hơn.

2.2. Th c tr ng công tác k toán l u chuy n hàng hóa xu t kh u t i Công ty C ph n Liên Minh

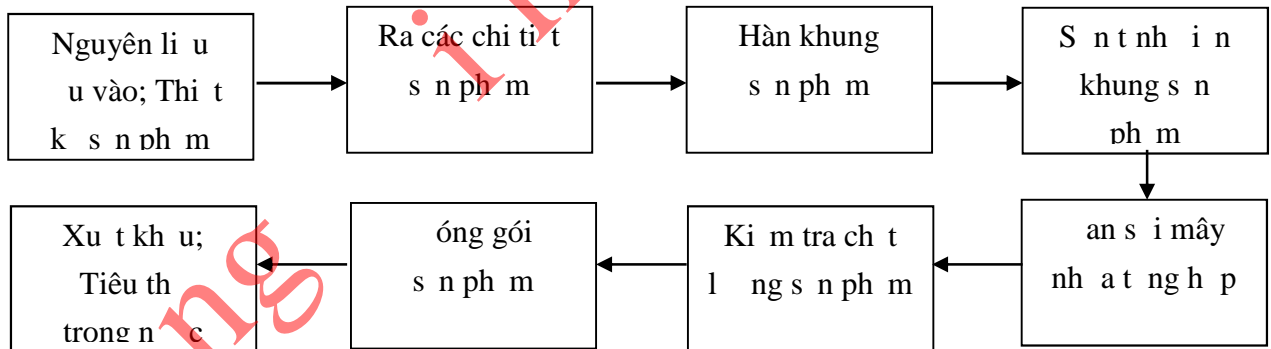
2.2.1. c i m c a s n ph m

- Sản phẩm chủ yếu của công ty là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như bàn ghế các loại và các vật dụng khác trong gia đình làm bằng gỗ mây nh a t ng h p nh Ghế Sofa Lounge; Bàn ghế Butaca n; Bàn ghế Matinnique... Các sản phẩm này rất c th tr ng các n c a chu ng hi n nay công ty ã ký h p ng v i nhi u khách hàng các n c nh ài Loan, H ng Kông, EU...

- Các sản phẩm này mang c thù c a an lát truy n th ng, và c an ch y u b ng tay. Chính vì v y mà công ty c n m t i ng công nhân l n có tính ch u khó và khéo tay t o ra các sản phẩm có giá tr cao v m t kinh t , mang m nét m thu t truy n th ng nh ng phù h p v i phong cách hi n i, t tiêu chu n xu t kh u.

2.2.2. c i m v quy trình công ngh

Quy trình làm sản phẩm bàn ghế t s i mây nh a t ng h p:



S 2.4. S quy trình làm sản phẩm bàn ghế c a công ty

2.2.3. Th c tr ng k toán t o ngu n hàng xu t kh u

2.2.3.1. Ph ng th c t o ngu n hàng xu t kh u c a Công ty C ph n Liên Minh

Ngũ n hàng xu t kh u chủ yếu của công ty c ph n Liên Minh là hàng công ty t s n xu t: ó là các sản phẩm an lát m c m ngh (bàn, gh ...).Sau khi nh n c n

t hàng, hoặc chi phí nguyên vật liệu, doanh nghiệp tiến hành mua nguyên vật liệu và tiếp tục phân bổ chi phí kinh doanh sản xuất sản phẩm. Nguồn nguyên vật liệu sử dụng để mua trong các thời kỳ khác nhau.

2.2.3.2. Hệ thống toán quá trình hạch toán hàng xuất kho tại công ty Cổ phần Liên Minh

* *Chiến lược sử dụng*

Hàng kinh doanh, Nguyên vật liệu, Sản phẩm, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT,...

* *Tài khoản sử dụng*

TK 152 - Nguyên vật liệu

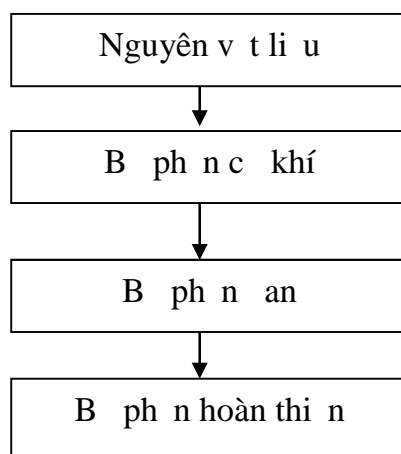
TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

TK 155 - Thành phẩm

TK 331 - Phải trả người bán

TK 133 - Thu GTGT sử dụng để khấu trừ

* *Quy trình tiến hành hàng xuất kho*



S 2.5: Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm

Nhiệm vụ của thành phần:

- *Bộ phận cơ khí:* Nguyên vật liệu là nhôm, bộ phận cơ khí sẽ tạo ra các khung cơ sở nhôm theo từng loại, sau đó chuyển thành nhôm an.

- *Bộ phận an:* Nhôm khung nhôm sau đó nhúng dây, đây công nhân sẽ an thành các sản phẩm theo yêu cầu.

- *Bộ phận hoàn thiện:* Sẽ kiểm tra lịch trình cơ sở nhôm sau đó đóng gói thành phẩm.

*** Trình tự hạch toán**

Cần vào sổ thành và hợp đồng ký kết với bên ngoài trong kỳ, trình bộ phận sản xuất lập phiếu sản xuất cho các phân xưởng.

Cần vào sổ nhập sản xuất, kế toán kho sẽ nhập xuất nguyên vật liệu dùng cho sản xuất. Đồng thời kế toán kho lập phiếu xuất kho sau đó chuyển cho Kế toán trình và Giám đốc ký duyệt.

Sau khi sản phẩm hoàn thành nhập kho thành phẩm chuẩn bị cho việc xuất kho. Đồng thời Kế toán lập Phiếu nhập kho.

Cần vào sổ Phiếu xuất kho, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động nhập vào các sổ sách và các chứng từ khác có liên quan như sổ cái, sổ chi tiết TK 155...Sau này khi có nhu cầu muốn xem thì cần vào xem và in chứng từ sổ sách, mọi thông tin cần thiết về phần mềm báo cáo một cách rõ ràng và khoa học.

Ví dụ minh họa trình tự hạch toán và ghi sổ kế toán:

Cần vào sổ hợp đồng số EUR-LM/1416-01 ngày 01/10/2015 đã ký với công ty EUROFAR INTERNATIONAL BV, kế toán kho sẽ nhập xuất nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm.

Trích hợp nội dung mua bán hàng của Công ty Cổ phần Liên Minh với Công ty EUROFAR INTERNATIONAL BV (Bản hợp đồng này có trình bày S li u thô).

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG

S : EUR-LM/1416-01

Ngày: 01/10/2015

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn Trãi, phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Điện thoại: +84.54.3840567; Fax: +84.54.3840789

Đại diện bởi Ông H PH C MINH – Giám đốc điều hành

BÊN MUA: EUROFAR INTERNATIONAL BV

Địa chỉ: BEELAERTS VAN BLOKLANDSTRAAT 14, 5042 PM TILBURG HÀ LAN

Điện thoại: +31 (0) 13544 61 93; Fax: +31 (0) 13 536 81 87

Đại diện bởi Ông: TRAN BA LONG – Cán bộ cung ứng cao cấp khu vực

Hai bên đã thỏa thuận ký hợp đồng mua bán hàng với các điều khoản sau đây:

I. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG – SẢN PHẨM – GIÁ C - VÀ NỘI DUNG CHUYỂN HÀNG

1.1. Nội dung sản phẩm: các làm bằng li u gai nh a và khung kim lo i. Chi tiết sản phẩm xem danh sách đính kèm.

1.2. Tổng giá trị: 2,500,000 USD (Hai triệu năm trăm ngàn đô la M)

1.3. Tổng các điều kiện giá là bao gồm tất cả các hình thức minh họa như: nhãn hiệu A3, A4, nhãn dán, nhãn treo, mã vạch, nhãn kép không g , các hộp bìa các tông.

1.4. Lịch trình chuyển hàng: từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2016. Chi tiết xem danh sách đính kèm.

1.5. Giao hàng tận nơi và chi phí vận chuyển do Bên mua chi trả.

1.6. Công nhân: Bên mua cử nhân viên nào theo xác nhận từ công ty.

1.7. Dung sai: công suất 5% số lượng và tổng số chi phí vận chuyển khi Bên mua chấp nhận.

.....

ng thi kế toán kho số 1 Phiếu xuất kho chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn L., Phường Thuận Lộc, Thành Phố Huế

Mã số thuế : 3301 126 795

PHIẾU XUẤT KHO SỐ : 21-1

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Nh : 154....

(Liên 1)

Có : 152...

- **Họ và tên người nhận hàng :**

- **Địa chỉ :**

- **Lý do xuất kho :** Xuất kho sản xuất Bàn Aria 120x60x45 và Xuất kho sản xuất Ghế Aria

- **Xuất tại kho :** Kho hàng chung

Stt	Tên mặt hàng	Mã hàng	vt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dây nhả	DNHUA10	Kg	30,69	45.000,00	1.381.050
2	Nhôm thanh	NHOM09	Kg	19,73	56.000,00	1.104.880
3	Kính trong cửa kính 5ly	KINH5L01	m2	4,47	123.454,59	551.842
4	Khí Argon	KHIARGO1	chai	3,94	144.272,70	568.434
5	Nệm Aria lounge chair	NARIA01	Cái	8	478.677,00	3.829.416
6	Thùng 830x640x1080	THUANG034	Thùng	5	73.864,00	369.320
7	Dây nhả	DNHUA18	Kg	390,77	40.500,00	15.826.185
8	Nhôm thanh	NHOM07	Kg	171,21	58.000,00	9.930.180
	Tổng cộng					33.561.307

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Ba triệu, năm trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ bảy nghìn chín.

Số chữ viết kèm theo :

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán kho nguyên vật liệu sản xuất:

N TK 154 33.561.307

Có TK152 33.561.307

Kế toán kho thành phẩm:

N TK 155 66.014.648

Có TK 154 66.014.648

Sau khi sản phẩm hoàn thành nhập kho thành phẩm chủ yếu cho việc xuất khẩu. Tổng giá trị Kế toán nhập kho.

Trang
ng
i h C K i n h t H u

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn Lữ, Phường Thuần Lộc, Thành Phố Huế

Mã số thuế : 3301126795

PHI NHẬP KHO SỐ : 21-1

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Số : 155.....

(Liên 1)

Có : 154.....

- **Họ và tên người giao hàng** : Lê Văn Quyển
- **Địa chỉ** : 135 Nguyễn Lữ, Phường Thuần Lộc, Thành Phố Huế
- **Lý do xuất kho** : Nhập kho thành phẩm Bàn Aria 120x60x45 và Nhập kho thành phẩm Ghế Aria
- **Nhập tại kho** : Kho hàng chung

Stt	Tên mặt hàng	Mã hàng	Vt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bàn Aria 120x60x45	BARIA000	X	5	1.150.012,20	5.750.061
2	Ghế Aria	GDARIA01	X	5	1.234.979,40	6.174.897
3	Ghế góc không tay Aria	GKTAR01	X	5	1.406.000,20	7.030.001
4	Ghế góc tay trái/phải Aria	GGTTAR00	X	10	3.525.486,30	35.254.863
5	Ghế góc V Aria	GGVA00	X	5	2.360.965,20	11.804.826
Cộng						66.014.648

Tổng số tiền hàng (viết bằng chữ) : Sáu mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn, sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Phụ trách viết

Tính đúng thông tin trên mà kê toán khai báo máy số tự động phản ánh vào sổ cái, sổ chỉ tiêu TK 155 – Thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn Lữ, Phường Thuần Lộc, Thành Phố Huế

Tháng 12 năm 2015

Mã số thuế: 3301126795

S CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 155 – THÀNH PHẦN

Ngày ghi s	Số CTGS	Chi tiết		Diễn giải	Số		Số		Số		
		Số	Ngày		TK	Ct	l	l	l	l	
				THÁNG 12/2015							20.628.811
01/12	10	161	01/12/2015	Nhập kho thành phẩm Khung chân ghế Colombo dining bench-175.00 -1860-1/12	154	KCGCOL00	167.124,95	1.860	310.852.400		331.481.211
01/12	08	161XX	01/12/2015	Xuất kho giá trị theo H 161 ngày 01/12/2015	6332				1.860	310.852.400	20.628.811
02/12	10	21-1	02/12/2015	Nhập kho thành phẩm Bàn Aria 120x60x45-61.51\$-5-2/12	154	BARI000	1.150.012,20	5	5.750.061		26.378.872
02/12	10	23	02/12/2015	Nhập kho thành phẩm Bàn ghế Bilbao lounge corner-449.39\$-5-2/12	154	BBGBIL09	9.833.992,40	5	49.159.962		75.538.834
				...							
29/12	10	42	29/12/2015	Nhập kho thành phẩm Ghế Ponte dining promo-47.04\$-224-29/12	154	GPONTE12	956.981,93	224	214.363.953		241.446.739
29/12	08	42XK	29/12/2015	Xuất kho giá trị theo H 42 ngày 29/12/2015	6322	GPONTE13	956.981,93		224	214.363.953	27.082.786
				Cộng phát sinh tháng 12/2015				7.096	8.874.277.040	7.093	8.867.823.065
				Lý do phát sinh tồn				34.169	52.238.625.339	34.156	52.211.542.553
				Dư cuối tháng 12/2015							27.082.786

Ngày...tháng...năm...

Người ghi s

Kiểm tra

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn Văn Linh, Phường Thuần Lộc, Thành Phố Hồ

Mã số thuế: 3301126795

S CÁI

Tháng 12 năm 2015

TÀI KHOẢN 155 – THÀNH PHẦN

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi s	Chi tiết		Diễn giải	Trạng thái ký	Số TK	Số phát sinh	
	S	Ngày				N	Có
			THÁNG 12/2015			20.628.811	
01/12	161	01/12/2015	Nhập kho thành phẩm Khung chân ghế Colomdiningbench-175.000 -1860-1/12	3	154	310.852.400	
01/12	161XK	01/12/2015	Xuất kho giá vốn theo H 161 ngày 01/12/2015	3	632	66.014.648	310.852.400
02/12	21-1	02/12/2015	Nhập kho thành phẩm Bàn Sahara lounge-75x75x43-43.24\$-12-2/12	9	154	213.789.934	
02/12	21-1	02/12/2015	Nhập kho thành phẩm Bàn Aria 120x60X45-61.51\$-5-12/2	9	154	66.014.648	
02/12	21-1XK	02/12/2015	Xuất kho giá vốn theo H 21-1 ngày 02/12/2015	10	632		66.014.648
						
29/12	42	29/12/2015	Nhập kho thành phẩm Ghế Ponte dining promo-47.04\$-224-29/12	45	154	214.363.953	
29/12	42XK	29/12/2015	Xuất kho giá vốn theo H 42 ngày 29/12/2015	45	632		214.363.953
			Cộng phát sinh tháng 12/2015			8.874.277.040	8.867.823.065
			Lý do phát sinh tồn dư			52.238.625.339	52.211.542.553
			Số dư cuối tháng 12/2015			27.082.786	

Ngày...tháng...năm...

Người ghi s

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4. Thực trạng hạch toán quá trình xuất kho hàng hóa tại Công ty cổ phần Liên Minh

2.2.4.1. Nội dung và chung về công tác quản lý và kế toán hàng xuất kho tại công ty cổ phần Liên Minh

** Phương thức xuất khẩu, phương thức thanh toán*

Công ty Cổ Phần Liên Minh thể hiện kinh doanh xuất khẩu theo đơn hàng và xuất khẩu theo phương thức trực tiếp.

Khi xuất khẩu công ty tự mình thể hiện toàn bộ các thủ tục xuất khẩu lô hàng ra khỏi biên giới qua phòng tín dụng tài chính thuê vận chuyển nội địa mua yêu cầu trong hợp đồng nội địa ký vận chuyển mua.

Phương thức thanh toán: Công ty áp dụng thanh toán quốc tế theo phương thức Telegraphic Transfer Reimbursement (TTR): theo phương thức này thì người mua nhận hàng rồi mới thanh toán tiền hàng cho NCC theo tờ trình giá trị thanh toán ghi trên hóa đơn (invoice). Khi nhận hàng, bộ chứng từ gốc (Bill, Invoice, packing list, sales contract) và Tờ Khai Hải Quan, người mua sẽ làm thủ tục thanh toán cho NCC (thời hạn thanh toán cần trên điều khoản quy định của hợp đồng).

** Phương thức tính giá vận hàng xuất khẩu, giá bán hàng xuất khẩu*

Giá vận hàng xuất khẩu được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, do hàng hóa của công ty được bán theo đơn hàng là chủ yếu.

Giá bán: Tất cả công ty hoạt động xuất khẩu được bán trực tiếp là chủ yếu. Giá bán hàng xuất khẩu được áp dụng là: giá FOB - công ty chịu chi phí vận chuyển nội địa, chi phí thông quan. Hàng sau khi đã rời khỏi cảng thì công ty không còn chịu trách nhiệm, tức là chi phí vận chuyển, chi phí bảo hiểm không nằm trong giá bán.

** Phương pháp hạch toán giá trị nội địa và chênh lệch giá*

Do đặc trưng kinh doanh của Công ty là xuất nhập khẩu nên sẽ không nghi ngờ phát sinh liên quan nội địa của Công ty là rất lớn, do đó thu nhập nội địa trong công việc thanh toán và chi tiêu, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như phù hợp với chế độ kế toán của Việt Nam, Công ty dùng tỷ giá bán ra thị trường để tính giá trị nội địa phát sinh do

Ngân hàng EXIMBANK Huế công bố hình thức toán các nghiệp vụ liên quan ngoại tệ. Nghiệp vụ xuất khẩu có các khoản liên quan ngoại tệ như: Doanh thu xuất khẩu, các khoản phí thu ngoài, các loại phí Ngân hàng như phí thanh toán bằng chuyển khoản, phí chuyển tiền... được ghi nhận theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng EXIMBANK Huế vào ngày phát sinh.

2.2.4.2. Chi phí sản xuất

Theo trình tự xuất khẩu, chi phí sản xuất bao gồm các chi phí sau:

- Hợp đồng ngoại tệ
- Giấy chứng nhận thanh toán bằng hối phiếu (nếu thanh toán bằng hối phiếu).
- Hóa đơn thương mại (Invoice)
- Phí xuất kho
- Bảng kê đóng gói
- Giấy chứng nhận xuất khẩu
- Giấy chứng nhận phẩm chất
- Giấy chứng nhận số lượng
- Tờ khai hải quan hàng xuất khẩu
- Vận chuyển bằng biển, vận chuyển không
- Giấy báo có của Ngân hàng....

2.2.4.3. Tài khoản sản xuất

Hình thức toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa, kế toán sản xuất các tài khoản:

TK 155, 151, 156

TK 632, 511, 131, 331, 413

TK 413 chi số dùng vào cuối kỳ khi đánh giá lại các khoản mục có giá trị.

2.2.4.4. Quy trình, thủ tục xuất kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Liên Minh

Ký hợp đồng xuất kho

Khi xuất kho hàng hóa nội bộ hàng số là của công ty thì tiến hành các bước tiếp theo. Khi nhận đơn hàng, Công ty sẽ cung cấp mẫu hàng, lập thư chào hàng, lập thư chào hàng bao gồm những nội dung sau: Tên hàng, số lượng bao bì, mẫu, đơn giá, thời hạn giao hàng, phương thức giao hàng.

Sau khi xem xét, cân nhắc các điều khoản, nội dung hai bên thống nhất với nhau sẽ tiến hành ký hợp đồng ngoại thương chính thức. Hợp đồng này phải ký theo đúng nguyên tắc, quy định của pháp luật hiện hành.

Hợp đồng xuất kho sẽ lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và mỗi bản gửi Anh; mỗi bên giữ một bản để theo dõi (xem Phụ lục 01).

Chuẩn bị hàng xuất kho

Sau khi ký kết hợp đồng ngoại thương, Công ty tiến hành sản xuất các mặt hàng yêu cầu trong hợp đồng xuất kho. Hàng hóa phải được phân loại, chọn lọc, đóng gói theo quy định của hợp đồng.

Sau khi công việc sản xuất hoàn tất, đại diện nhân công ty kiểm tra chất lượng hàng hóa tại kho hàng. Công ty đóng gói theo yêu cầu của khách hàng. Tất cả phải hoàn tất trước thời hạn hợp đồng và thời hạn thanh toán cuối cùng.

Làm thủ tục hải quan

Hàng hóa vận chuyển qua biên giới xuất kho, nhập khẩu đều phải làm thủ tục hải quan. Thủ tục hải quan là công việc quản lý hành vi buôn bán theo pháp luật của Nhà

nhận, ngân hàng xuất nhập khẩu qua biên giới, kiểm tra giấy tờ sai sót gì không, thông kê số lượng và hàng xuất nhập khẩu. Việc kê khai phi thuế mậu dịch, chi tiết vận chuyển, số lượng, trọng lượng, trị giá, quy cách, phẩm chất và mã số của hàng hóa xuất khẩu.

Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan bao gồm các chứng từ sau:

- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (Phụ lục 01)
- Hợp đồng ngoại thương
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice) (Phụ lục 02)
- Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List) (Phụ lục 03)
- Vận đơn (Bill of Lading) (Phụ lục 04)
- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) (Phụ lục 06)

Công ty Cổ phần Liên Minh không trực tiếp làm thủ tục khai hải quan mà thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Hà Thiên. Thủ tục này được khai báo trực tiếp quan Hải quan Thới Thiên Huế. Sau khi khai xong, Công ty nộp hồ sơ cho cơ quan hải quan duy trì, xin đăng ký kiểm hóa và đăng ký xuất hàng.

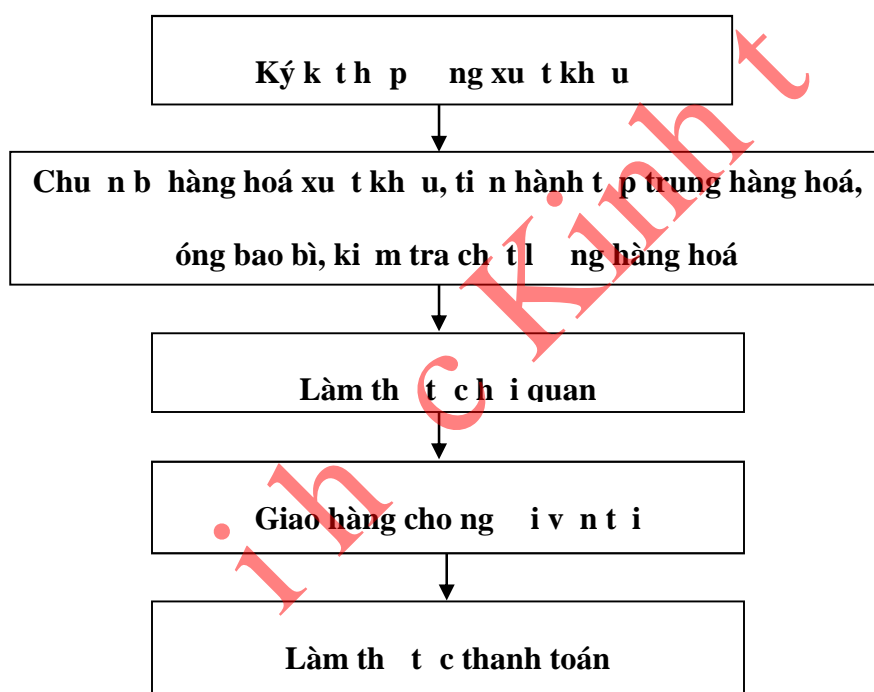
Giao hàng cho người vận tải

Trên công ty Cổ phần Liên Minh do giao hàng chủ yếu bằng container, nên Công ty thường tiến hành giao container cho bãi container nhằm biên lai xếp hàng. Sau đó khi giao hàng lên tàu, nhân viên giám sát hàng cùng nhân viên hải quan giám sát việc chuyển hàng lên tàu, ghi rõ số lượng hàng giao và báo cáo kiểm kê. Sau khi giao hàng xong, nhân viên tiến hành biên lai giao hàng thành vận đơn xếp hàng, khi này nghiệp vụ xuất khẩu đã hoàn thành, kế toán có thể ghi nhận bút toán doanh thu hàng xuất khẩu.

Thủ tục thanh toán

Khi có báo chí ngân hàng, phòng kinh doanh xuất nhập khẩu ngân hàng cho Ngân hàng EXIMBANK Huế, Ngân hàng chuyển cho Ngân hàng bên mua ngân hàng thanh toán, Ngân hàng gửi giấy báo Có khi tiền hàng về thanh toán.

Khi nhập khẩu hàng hóa về thành phố, phòng kinh doanh gửi báo chí ngân hàng sang phòng kế toán ghi nhận doanh thu, ngân hàng ghi sổ chi tiết các tài khoản TK 131, TK 511, cuối tháng máy tính tổng cộng nhập khẩu vào các Sổ cái TK.



S 2.6. Quy trình xuất khẩu hàng hóa tại Công ty Cổ phần Liên Minh

2.2.4.5. Thuyết minh chi toán quá trình xuất khẩu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Liên Minh

Phương pháp xác định giá trị hàng xuất khẩu công ty là giá thực tế ích danh. Sau khi thanh toán hàng về của khách hàng này do công ty xuất theo giá FOB, nên khi mặt hàng đã hoàn tất, hàng đóng gói vào container thuyền trưởng ký vận chuyển là xác nhận hàng đã có tiêu thụ thì kế toán mới nhập kho. Lúc đó kế toán sẽ tiến hành ghi nhận doanh thu và giá trị hàng xuất khẩu.

*** Hình thức giá trị và xu hướng**

Công ty Cổ phần Liên Minh không sử dụng phiếu xuất kho hình thức giá trị. Giá trị hàng hóa hình thức toán dựa trên giá trên Phiếu nhập kho thành phẩm. Kế toán chuyển vào số tiền hành nhập liệu vào phần mềm kế toán theo như sau:

N TK 632 66.014.648

Có TK 155 66.014.648

Nghi quyết này có hiệu lực vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 632

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH						Tháng 12 Năm 2015		
135 Nguyễn Trãi, Phường Thuận Lợi, Thành Phố Huế								
Mã số thuế: 3301126795								
SỔ CHI TIẾT								
TÀI KHOẢN 6322-BARIA000 : BÀN ARI 120x60x45-61.51\$								
<i>Đơn vị tính: đồng</i>								
Ngày ghi s	CHÍNH T		DIỄN GIẢI	NHẬP		S PHÁT SINH		Số (Bên Nợ)
	S	Ngày		TK	CT	N	Có	
			THÁNG 12 <i>Đơn vị</i>					5.708.534
2/12	21-1XK	02/12/2015	Xuất kho giá trị theo H 21-1 - 4/12/2015	155	BARIA000	5.750.561		
31/12	911/632	31/12/2015	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911			11.458.595	
			Cộng phát sinh tháng 12/2015			5.750.561	11.458.595	
			Lý do phát sinh từ năm			11.458.595	11.458.595	

Ngày....tháng....năm...
Kế toán trưởng

Người ghi s

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

Tháng 12 Năm 2015

135 Nguyễn Văn Linh, Phường Thuần Lộc, Thành Phố Huế

Mã số thuế: 3301126795

S CÁI

TÀI KHOẢN: 632 - GIÁ VÀNH HÀNG BÁN

n v tính: ng

Ngày ghi s	CH NG T		Di n ghi i	Trang nh t ký	TK i ng	S phát sinh	
	S	Ngày				N	Có
2/12	21	02/12/2015	Xu t kho giá v n theo H 21 ngày 2/12/2015		155	213.789.934	
2/12	21-1	02/12/2015	Xu t kho giá v n theo H 21-1 ngày 2/12/2015		155	66.014.648	
2/12	21-2	02/12/2015	Xu t kho giá v n theo H 21-2 ngày 2/12/2015		155	29.393.828	
					
					
31/12	632/911	31/12/2015	K t chuy n giá v n tính KQKD				
			C ng phát sinh tháng 12/2015				
			L y k phát sinh t u n m				

Ngày...tháng...n m

Ng i ghi s

K toán tr ng

* H ch toán doanh thu xu t kh u

K toán c n c vào Phi u xu t kho bán hàng và hóa n th ng m i h ch toán doanh thu xu t kh u. Doanh thu xu t kh u c ghi nh n theo t giá ghi trên T khai h i quan hàng hóa.

N TK 131 (Euroar International B.V) 74.486.856

Có TK 511 74.486.856

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn L., Phường Thuận Lợi, Thành phố Hồ

Mã số thuế : 3301126795

PHIẾU XUẤT KHO BÁN HÀNG

Số H: 21-1

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Liên 1: 1 u

- **Họ tên người mua hàng :**- **Đơn vị :** Eurofar International B.V- **Địa chỉ :** JULIES VERNEWEG 9, 5015 BD TILBURG, NETHERLANDS- **Mã số thuế :** -----

Stt	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã hàng	vt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ghế góc tay trái/phải-173.82\$	GGTTAR00	x	10	3.902.259,00	39.022.590
2	Ghế góc V Aria-116.42\$	GGVARI00	x	5	2.613.629,00	13.068.145
3	Bàn Aria 120x60x45-61.51\$	BARIA000	x	5	1.380.899,60	6.904.498
4	Ghế góc không tay Aria-76.5\$	GGKTAR01	x	5	1.717.425,00	8.587.125
5	Ghế đơn Aria-139.71\$	GDARIA01	x	5	1.380.899,60	6.904.498
Cộng						74.486.856
Thu GTGT						
Tổng cộng						74.486.856

Tổng số tiền (viết bằng chữ): B y m i t r i u, b n t r m tám m i sáu ngàn, tám tr m n m m i sáu
ng ch n.

- Số tiền đã trả :

- Số tiền còn lại :

Ngày....tháng.....n m....

Ph trách vt**Người mua****Người bán**

Những thông tin mà kế toán khai báo máy s x lý và phản ánh nghiệp vụ trên vào
sổ cái và sổ chi tiết các TK 511, 131.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn L., Phường Thuận Lộc, Thành Phố Huế

Mã số thuế : 3301 126 795

S CHI TIẾT

Tháng 12 Năm 2015

TÀI KHOẢN 5112-BARIA000 : BÀN ARIA 120x60x45-61.51\$

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi s	Số CT ghi s	CHÍNH T		Địa điểm	Số		Số phát sinh		Số d (Bên có)
		S	Ngày		TK	CT	N	Có	
				THÁNG 12	<i>D</i>	<i>u</i>			0
2/12	12	21-1XK	02/12/2015	Xuất bán theo H 21-1	ngày 2/12	155	BARIA000		6.904.498
31/12	KC12	911/511	31/12/2015	Kết chuyển doanh thu	tính KQKD	911		6.904.498	
				Cộng phát sinh tháng 12/2015				6.904.498	6.904.498
				Lý kết phát sinh cuối năm				6.904.498	6.904.498

Ngày....tháng....năm...

Người ghi s

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn Văn Linh, Phường Thuần Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 3301 126 795

S CÁI

Tháng 12 Năm 2015

TÀI KHOẢN : 511 – DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	CHÍNH T		Diễn giải	Trạng thái ký	TK liên quan	Số phát sinh	
	S	Ngày				N	Có
			THÁNG 12/2015				49.973.999.498
2/12	21	02/12/2015	Bán hàng cho công ty Eurofar International B.V	8	131		183.088.281
2/12	21-1	02/12/2015	Bán hàng cho công ty Eurofar International B.V	9	131		74.486.856
2/12	21-2	02/12/2015	Bán hàng cho công ty Eurofar International B.V	9	131		44.394.875
					
	511/911	31/12/2015	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	56	911	60.180.477.156	
			Cộng phát sinh tháng 12/2015			60.180.477.156	10.206.477.658
			Lý do phát sinh cuối năm			60.180.477.156	60.180.477.156

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

2.2.4.6. Kế toán các nghiệp vụ khác liên quan đến quá trình xuất khẩu

❖ Kế toán thu xuất khẩu và thu giá trị gia tăng hàng xuất khẩu

- Thu suất thu giá trị gia tăng hàng xuất khẩu: Tỷ Công Ty Cổ Phần Liên Á áp dụng mức thu suất thu giá trị gia tăng hàng xuất khẩu là 0% theo nghị định 123/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thu suất thu xuất khẩu: Công Ty Cổ Phần Liên Minh là công ty sản xuất kinh doanh mặt hàng an lát thi công do vậy thu suất thu xuất khẩu của mặt hàng này là 0%.

Do thu xuất khẩu và thu giá trị gia tăng hàng xuất khẩu tại công ty đều là 0% nên kế toán không cần hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến hai loại thuế này.

❖ Kế toán chi phí khi xuất khẩu hàng hóa

Đó là khoản chi phí phát sinh tại văn phòng công ty thuê Công ty TNHH Dịch vụ Hà Thiên khai thác chi quan cho Công ty.

Kế toán hạch vào Hóa đơn GTGT thì nhập hành nhập lại vào phần mềm kế toán theo như khoản sau:

N TK 6421	5.233.934
N TK 133	523.393
Có TK 331	5.757.327

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀ THIÊN

Mã số thuế (VAT code): 0301565902

Địa chỉ (address): 39 (lưu 3A) Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

Điện thoại (Tel): 08. 3823 0097

Fax: 08. 3824 8235

Website: www.hathien-galaxy.com

Email: hathien@hcm.vnn.vn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNGMã số (Form): **01GTK3/003****VAT INVOICE**Ký hiệu (Serial): **HTK/14P**

Liên 2: Giao cho người mua (Copy 2: Customer)

Ngày (day) **08** tháng (month) **12** năm (year) **2015**

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên công ty (company name): **Công ty Cổ phần Liên Minh**Mã số thuế (VAT code): **3301126795**Địa chỉ (Address): **135, Nguyễn Lữ - Phường Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh**

Phương thức thanh toán (Payment method): Số tài khoản: (Bank A/C):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Phí chi phí - bill	b	1	1.023.636	1.023.636
	Phí xếp dỡ - the	cont	1	3.040.200	3.040.200
	Phí khai hải quan - ens	b	1	675.600	675.600
	Phí niêm chì - seal	b	1	202.680	202.680
	Phí dịch vụ - handling	b	1	291.818	291.818

Tổng cộng hàng (Total amount): **5.233.934**Thu suất GTGT (VAT rate): **10%**Tiền thuế GTGT (VAT): **523.393**Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): **5.757.327**Số tiền viết bằng chữ: **Năm triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng chẵn.**
(Amount in word)**Người mua hàng (Buyer)**

Ký, ghi rõ họ tên

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

(Sign, stamp & full name)

Những thông tin trên mà kế toán khai báo máy s x lý và phản ánh nghiệp vụ trên vào sổ chi tiết, sổ cái TK 6421.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

135 Nguyễn L , Phường Thuần L c, Thành Phố Hồ

Tháng 12 năm 2015

Mã số thuế : 3301 126 795

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 6421 – CHI PHÍ BÁN HÀNG

Ngày ghi s	Số CT GS	Chi nhậ ghi s		Di nhậ i	i nhậ		Số phát sinh		Số d (Bên N)
		S	Ngày		TK	Ct i t	N	Có	
				THÁNG 12	D	u k :			2.062.298.414
01/12	05	100	01/12/2015	Phí ch nhậ t -7994-18/5		NAGEL	1.908.500		2.062.298.414
01/12	05	101	01/12/2015	Phí ch nhậ t -9001-18/5	331	NAGEL	1.557.270		2.064.206.914
04/12	05	096	04/12/2015	Phí ch nhậ t -6120-4/12	331	HELLMANN	11.219.940		2.065.764.184
07/12	02	01	07/12/2015	Phí làm th t c h i quan tháng 06-11	1111		1.460.000		2.076.984.124
07/12	05	082	07/12/2015	Phí ch nhậ t -18767-7/12	331	PANALPIN	9.144.000		2.078.444.124
08/12	05	095	08/12/2015	Phí ch nhậ t -3199-8/12	331	HHLG	4.950.636		2.087.588.124
08/12	05	097	08/12/2015	Phí ch nhậ t -1608-8/12	331	HATHIEN	5.233.934		2.092.538.760
08/12	05	099	08/12/2015	Phí ch nhậ t -298-8/12	331	LKTCAU	4.826.250		2.097.772.694
								
31/12	KC 7	911/642	31/12/2105	K t chuy n chi phí QL-BH	911			2.490.064.878	
				C nhậ s phát sinh tháng 12/2015			427.766.464	2.490.064.878	
				L y k phát sinh t u n m			2.490.064.878	2.490.064.878	

Ng i ghi s

Ngày...tháng...n m....

K toán tr ng

CHƯƠNG 3: MÔ TẢ BIÊN PHÁP XUẤT NHẬP CẬP THỊ TRƯỜNG TOÁN LƯỢNG CHUYÊN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tài chính Công ty Cổ phần Liên Minh

3.1.1. Tổng quan

3.1.1.1. Về công tác quản lý

Công ty Cổ phần Liên Minh tuy hoạt động chưa lâu nhưng đã tạo được cho mình những ưu thế nhất định, tạo được uy tín và tín nhiệm từ phía khách hàng, kết quả kinh doanh của Công ty không ngừng tăng qua các năm đó là nhờ một phần vào công tác quản lý, sự nỗ lực của Ban giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty.

Ban máy quản lý của Công ty có tổ chức một cách khoa học, các phòng ban có tổ chức phân công, phân nhiệm rõ ràng, mỗi bộ phận đều có công việc cao. Những cán bộ quản lý, cán bộ kinh doanh có trình độ chuyên môn có trách nhiệm với công việc, vì công việc hoạt động kinh doanh xuất khẩu và kinh doanh nội địa luôn sát sao, kịp thời, Công ty đã tạo được mối quan hệ lâu năm với khách hàng trong nước và nước ngoài đó là vì các chỉ số các hợp đồng xuất khẩu luôn đi đúng cách thủ tục và nhanh chóng.

Công ty tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật đã quy định về các quy định quản lý thông lệ trong thị trường quốc tế, tạo được sự tin tưởng của các bên hàng, đặc biệt trong và ngoài nước. Quy trình xuất khẩu hàng hóa có tổ chức một cách hợp lý và chặt chẽ. Tất cả các phòng ban trong Công ty đều có trang bị phần mềm tin, thiết bị phục vụ cho hoạt động của Công ty. Hệ thống máy tính kết nối mạng Internet và mạng nội bộ giúp cho công việc giao dịch với các đối tác một cách thủ tục và nhanh chóng, giúp cán bộ giao các phòng ban trao đổi thông tin kịp thời với nhau.

3.1.1.2. Về công tác kế toán

Về tổ chức công tác kế toán tài chính Công ty thể hiện những ưu điểm sau:

Thứ nhất: Bộ máy kế toán của Công ty có thể lập gần như phù hợp với quy mô kinh doanh của Công ty.

Thứ hai: Công ty áp dụng phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho chính xác. Hiện nay Công ty tính giá hàng xuất kho theo phương pháp giá thực tế đích danh. Do hoạt động xuất kho thường có thể hiện trên các hệ thống mua bán, hàng tồn trữ, hàng bán buôn theo từng lô hàng nên áp dụng phương pháp giá thực tế đích danh là rất phù hợp với loại hình kinh doanh xuất kho hàng hoá.

Thứ ba: Công ty sử dụng giá thực tế thì dễ dàng phát sinh nghiệp vụ hạch toán nghiệp vụ là thích hợp. Nhưng vì sử dụng giá thực tế ghi sổ giúp kế toán theo dõi chính xác số biến động của giá hàng hoá của Công ty Việt Nam và các nghiệp vụ thì kế toán phân tích chính xác số biến động của Việt Nam ghi sổ.

Thứ tư: Nhìn chung hệ thống kế toán của Công ty tuy đơn giản, nhưng phương pháp.

Hệ thống kế toán kế toán Công ty sử dụng đều theo quy định của Bộ Tài chính, quá trình luân chuyển chứng từ có thể hiện nhanh chóng, khoa học và hiệu quả. Các chứng từ liên quan nghiệp vụ xuất kho đều lập theo quy định của Bộ Tài chính và thông lệ quốc tế, các số liệu theo từng phòng nghiệp vụ kinh doanh, theo thời gian thu nhập lợi cho việc kiểm tra theo dõi. Những chứng từ sử dụng trong một nghiệp vụ xuất kho sẽ liệt kê thành một danh sách, chứng từ kèm theo các chứng từ và đóng thành tập..., các số liệu vào bộ chứng từ kế toán tiến hành xử lý.

Thứ năm: Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy tính sử dụng bộ chứng từ, sổ sách theo hình thức chứng từ ghi sổ. Hình thức này có quy trình hạch toán khá đơn giản phù hợp với việc sử dụng bộ máy kế toán của Công ty.

Vì hình thức này công việc kế toán được phân bổ trong tháng, thu nhập cho việc kiểm tra và cũng phù hợp với việc sử dụng kế toán máy.

3.1.2. Hình thức

Cùng với những ưu điểm mà Công ty đã đạt được trong tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán hàng xuất nhập khẩu thì vẫn còn một số tồn tại đòi hỏi cần phải quan tâm, xem xét nhằm không ngừng hoàn thiện công tác kế toán hàng xuất nhập khẩu, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty và ứng dụng tài chính kế toán hiệu quả.

Một là, Là một doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, lĩnh vực ngoi phát sinh rất nhiều nghiệp vụ Công ty không sử dụng TK 007 - Nguyên tắc theo dõi tình hình ngoi nhập, mà chỉ theo dõi trên TK 1112, TK 1122, chi tiết theo từng nguyên tắc, từng ngân hàng nên gặp khó khăn trong việc theo dõi tình hình ngoi nhập.

Hai là, Công ty không sử dụng phiếu xuất kho khi xuất hàng đi xuất khẩu. Khi hàng đã xuất khẩu và nhận được chứng từ về xuất khẩu kế toán mới nhập vào hóa đơn ghi nhận giá trị và doanh thu vào phần mở rộng sau đó mới nhập phiếu xuất nhập.

Ba là, Hiện nay trong quá trình hạch toán nghiệp vụ xuất nhập khẩu công ty chỉ sử dụng TK 157- Hàng gửi bán dù mở dù khi xuất hàng về chuyên ngành và làm thủ tục hải quan xuất nhập khẩu mới mới thì gian và cần đẩy nhanh xử lý rõ ràng trong khâu này nhằm tránh những kế toán về treo sổ hàng này TK 155.

Việc Công ty chỉ sử dụng tài khoản 157 cho nghiệp vụ trên là chưa phù hợp vì kế toán Việt Nam, phần ảnh hưởng chính xác về lưu chuyển hàng hóa và làm giảm quy mô chi tiêu "hàng tồn kho" trên BC KT của Công ty.

Bốn là, Về quy mô công ty lớn, nhân viên phòng kế toán ít nên khối lượng công việc nhiều nên khó kiểm soát các chi phí.

Năm là, Các nhân viên trong phòng có chuyên ngành kế toán, không có đào tạo về nghiệp vụ xuất nhập khẩu nên chưa thành thạo, ít kinh nghiệm trong quá trình thanh toán quốc tế. Đôi khi dẫn đến nhiều sai sót trong quá trình thanh toán.

3.2. M t s bi n pháp nh m c i thi n công tác k toán l u chuy n hàng hóa xu t kh u t i Công ty C ph n Liên Minh.

Sau m t th i gian th c t p t i Công ty tôi ã tìm hi u và th y c nh ng thành t u, k t qu mà Công ty ã t c ó là nh s n l c c a toàn th cán b nhân viên trong Công ty, c bi t s không ng ng hoàn thi n h th ng k toán th c s là m t công c qu n lý c l c c a Công ty. Tuy nhiên trong ho t ng kinh doanh nh t là trong kinh doanh xu t nh p kh u luôn có s bi n ng c n có s i m i và hoàn thi n, sau ây tôi xin xu t m t s bi n pháp nh m góp ph n c i thi n thi n công tác k toán l u chuy n hàng hóa xu t kh u c a Công ty:

❖ Công ty nên s d ng **Tài kho n 007** qu n lý, theo dõi nguyên t . Do ho t ng kinh doanh xu t nh p kh u th ng xuyên ph i s d ng nguyên t các lo i nên vi c dùng Tài kho n 007 giúp Công ty n m b t c s ngo i t t ng lo i còn bao nhiêu, phát sinh t ng gi m bao nhiêu m b o cho vi c qu n lý ngo i t ch t ch .

TK 007 c m chi ti t cho t ng lo i nguyên t .

- Khi có phát sinh t ng v ngo i t , k toán ghi:

N TK 007 – chi ti t t ng lo i nguyên t .

- Khi có phát sinh gi m ngo i t , ghi:

Có TK 007 – chi ti t cho t ng lo i nguyên t .

❖ Công ty c n s d ng tài kho n **157 – Hàng g i bán** h ch toán thành ph m xu t kho chuy n i xu t kh u i u này t o i u ki n thu n l i cho vi c có th theo dõi thành ph m t i kho c ng nh các thành ph m ang c v n chuy n n cho khách hàng ng th i tuân th ch k toán Vi t Nam.

Trình t h ch toán hàng xu t kho cho m t th ng v xu t kh u nh sau:

- Khi hàng xu t ra kh i kho n c a kh u (FOB):

N TK 157 Tr giá hàng xuất kho.

Có TK 155 Tr giá hàng xuất kho.

- Khi hàng xác nhận là tiêu thụ :

N TK 632 : giá vốn

Có TK 157 : giá vốn

❖ Bên công ty cần lập phiếu xuất kho ngay khi xuất hàng ra khỏi kho, để tránh nhầm lẫn hay gian lận xảy ra khi xuất hàng. Nên thời gian làm báo cáo về việc xuất hàng đúng với số lượng thực tế hàng.

❖ Nâng cao chất lượng công tác kế toán, công ty cần tuyển dụng thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm và trình độ cao, có trình độ chuyên môn về nghiệp vụ xuất nhập khẩu có óc sáng tạo, hỗ trợ thêm công việc của phòng kế toán. Nên thời gian còn tránh tình trạng công việc chồng chéo, dồn đống quá nhiều vào một số nhân viên, nên phân công công việc.

PHẦN III: KẾT LUẬN

1. Kết luận

Qua thời gian thực tập tại công ty Công ty Cổ phần Liên Minh cùng với sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn cũng như các anh chị trong công ty thực tập tôi đã học hỏi được nhiều kiến thức về kế toán xuất nhập khẩu nói riêng và kế toán nói chung. Tuy lý thuyết trên thực tế không phải là một quá trình ngắn gọn, lý thuyết theo khuôn mẫu có sẵn thì thực tế đòi hỏi em tính toán, xử lý phát sinh nhiều chi phí và phát sinh.

Hơn nữa, trong thời gian sinh viên thực tập, các chi phí và số liệu đã được hạch toán vào các tài khoản một cách hợp lý và chính xác. Mọi chi phí và số liệu đều được ghi chép cẩn thận, đúng quy định và còn nhiều bài học khác nên không chỉ trong chuyên môn thực tập mà còn trong quan hệ giao tiếp.

Do thời gian thực tập và nhận biết thực tế quá ngắn ngủi, bên cạnh đó kiến thức thực tế còn chưa đầy đủ cho nên khóa luận chỉ đề cập một số khía cạnh của kế toán xuất nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu. Tuy nhiên tài liệu tham khảo cũng như những vấn đề sau:

- tài liệu tham khảo về các lý thuyết về kế toán xuất nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu.
- Tìm hiểu về thực trạng tổ chức hạch toán kế toán xuất nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu tại công ty Công ty Cổ phần Liên Minh.
- tài liệu đánh giá về thực trạng công tác kế toán xuất nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu của Công ty Cổ phần Liên Minh, từ đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán xuất nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu tại công ty Công ty Cổ phần Liên Minh.

Dù nhìn nhận các số liệu ngành dựa trên các Thuyết, Công giáo công nhận sự giúp đỡ từ phía nhà nước và tập thể, bài khóa luận không tránh khỏi một số hạn chế các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

- Hạn chế về nội dung kiến thức và chuyên ngành nghiên cứu.
- Do bí mật về số liệu khách hàng nên các số liệu cung cấp không đầy đủ.
- Bài nghiên cứu chủ yếu dựa vào thực tế tham khảo và số liệu từ phòng kế toán cung cấp, không có các dữ liệu trực tiếp từ các phòng ban liên quan khác xác thực nên còn một số vấn đề không trình bày chi tiết.

2. Kiến nghị và hướng phát triển tài

2.1. Kiến nghị

Qua quá trình thực tập, tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

✓ Về phía Công ty

Công ty cần phân bổ công việc kế toán phù hợp, rõ ràng, phù hợp. Kế toán phải trách nhiệm và theo dõi một cách công việc chuyên sâu. Kế toán cần thường xuyên cập nhật các Luật, Thông tư, Nghị định, các quy định của Chính phủ liên quan đến ngành nghề của mình áp dụng công việc mà Công ty giao phó. Công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn về kế toán xuất nhập khẩu theo dõi, khai báo các nghiệp vụ xuất nhập khẩu một cách kịp thời.

Cần đầu tư máy móc, công nghệ cao hơn nữa hỗ trợ công tác kế toán, làm giảm thiểu sai sót và tránh sai sót về mặt thông tin một cách chính xác cao. Cần đầu tư sắm các thiết bị máy tính trong phòng làm việc.

✓ Về phía nhà trường

Nhà trường cần tạo điều kiện hơn nữa cho sinh viên tiếp cận với thực tế hơn trong quá trình học tập, cần tiếp xúc với các doanh nghiệp sản xuất. Nên có sự kết hợp giữa lý

thuyết và thực hành trong quá trình 4 năm học, lúc đó sẽ trang bị cho sinh viên một cách vững chắc về lý luận thực tiễn của chuyên ngành.

Cho sinh viên tiếp cận với các doanh nghiệp rèn luyện kỹ năng thực tiễn, giúp sinh viên biết các kỹ thuật khác nhau và lý thuyết, nó sẽ hỗ trợ cho sinh viên khi ra trường làm việc, sinh viên lĩnh hội kiến thức không chỉ theo lý thuyết mà còn.

2.2. Hướng phát triển tài

Hiện tại, do kinh nghiệm kế toán còn ít nên cần chú ý sâu nên có thể đầu tư trong tài: **“Công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập tại Công ty Cổ phần Liên Minh”** vẫn còn có những thiếu sót mà bản thân tôi chưa nhận ra. Do vậy,

tài hoàn thiện hơn, tôi rất mong nhận được sự góp ý của Quý Thầy Cô trong khoa Kế toán - Kiểm toán và ngành.

Trong tương lai, nếu tiếp tục nghiên cứu tài này: **“Công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất nhập tại Công ty Cổ phần Liên Minh”** thì hướng phát triển của tôi sẽ tập trung nghiên cứu sâu hơn vào việc xác định kết quả kinh doanh của hàng hóa xuất nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. Ts Nguyễn Văn Lợi (2007), *Giáo trình kế toán tài chính trong lĩnh vực Lao động và xã hội*, NXB Tài chính, Hà Nội
2. Võ Văn Nhàn (2005), *Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính, Hà Nội
3. Các chủ đề kế toán Việt Nam của Bộ tài chính.
4. Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành năm 2006.
5. Chương trình, sách, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Liên Minh
6. Khóa luận của các anh chị khóa trước.
7. <http://www.zbook.vn/ebook/hoan-thien-ke-toan-luu-chuyen-hang-xuat-khau-tai-cong-ty-xnk-intimex-15436/>
8. <http://www.doko.vn/luan-van/ke-toan-nghiep-vu-xuat-khau-hang-hoa-33831>
9. <http://luanvan.net.vn/luan-van/thuc-trang-ke-toan-nghiep-vu-xuat-khau-hang-hoa-tai-tong-cong-ty-che-viet-nam-51028/>

PHẦN C

Trang

Thư viện Kinh tế Hồ